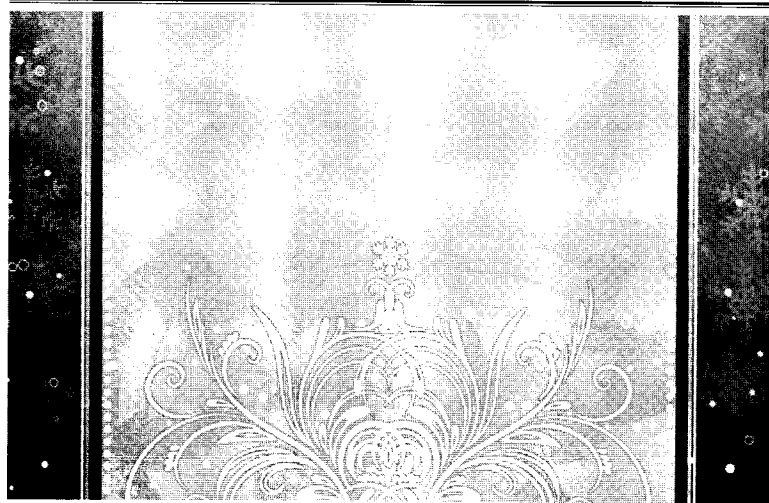


LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ
Quyển 19



Phẩm Thứ Nhất (TIẾP THEO)



37 PHẨM TRỢ ĐẠO

KINH:

Này Xá Lợi Phất! Bồ tát Ma ha tát chẳng trú pháp mà trú trong Bát nhã Ba-la-mật. Vì các pháp là vô sanh, nên Bồ tát được đầy đủ 4 Niệm Xứ, 4 Chánh Cần, 4 Như Ý Túc, 5 Căn, 5 Lực, 7 Giác Chi, 8 Thánh Đạo.

LUẬN:

Hỏi: 37 Phẩm Trợ Đạo là pháp của Thanh Văn. Vì sao trong đạo Bồ tát cũng có nói đến 37 Phẩm Trợ Đạo?

Đáp: Bồ tát tu học hết thấy các Thiện Pháp, hết thấy các đạo.

Phật dạy ngài Tu Bồ đề: “Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật phải tu học hết thấy các thiện pháp, hết thấy các đạo. Từ Sơ Càn Huệ Địa cho đến Thập Địa, Bồ tát tu học hết cả 10 Địa mà chẳng thủ chứng, đến Phật Địa mới chứng”.

Lại nữa, Trong kinh Đại thừa Ma Ha Diễm có nói: “Chẳng phải chỉ Thanh Văn mới học 37 Phẩm Trợ Đạo, mà Bồ tát cũng phải học, để tùy duyên hóa độ chúng sanh, chúng sanh muốn pháp nào thì Bồ tát hành pháp ấy. Lại còn tùy chúng sanh lợi căn hay độn căn, có tâm đại bi hay không có tâm hay đại bi, mà Bồ tát phương tiện dạy họ hành đạo nào thích hợp.

Ví như Long Vương làm mưa rơi xuống, thấm nhuần cả mặt đất khiến cho cây cỏ, dù lớn, dù nhỏ cũng đều được lợi lạc”.

Hỏi: 37 Phẩm Trợ Đạo, tuy không hẳn là dành cho đạo Thanh Văn, mà cũng chẳng phải là đạo của Bồ tát. Thế nhưng, Bồ tát thường qua lại trong 5 đường sanh tử, chẳng thủ tướng Niết bàn mà 37 Phẩm Trợ Đạo lại nói về pháp Niết bàn, không nói đến đại bi, cũng không nói đến Ba-la-mật. Như vậy vì sao nói “Bồ tát được đầy đủ 37 Phẩm Trợ Đạo”?

Đáp: Bồ tát tuy qua lại trong các nẻo đường sanh tử, nhưng cũng phải biết cả thế gian lẫn Niết bàn. Biết như vậy rồi mới lập đại thệ nguyện hành Thật Pháp Bát nhã Ba-la-mật, dẫn đến thành Phật Đạo.

Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật, dùng mũi tên giải thoát bắn lên không trung. Mũi tên Bát nhã không rơi xuống thế gian, mà cũng chẳng rơi về Niết bàn.

Nếu Bồ tát trú trong sanh tử mà chẳng có được Thật Trí, thì chẳng có thể nhẫn thọ các việc khó khăn. Đến khi cần đạo quả Thật Trí, thì Bồ tát liền chuyển thế gian thành Niết bàn. Vì sao? Vì Bồ tát rõ biết cả 3 cõi đều theo duyên hòa hợp sanh, đều không có tự tánh. Vì không có tự tánh nên là Không. Vì là Không nên cũng chẳng chấp tướng Niết bàn.

Bởi nhân duyên vậy, nên nói “Bồ tát không trú pháp mà trú Bát nhã Ba-la-mật. Do trú Bát nhã Ba-la-mật mà Bồ tát được pháp Vô Sanh, được đầy đủ 4 Niệm Xứ.

Bồ tát có trí huệ thâm sâu như vậy, nên xem “Thế gian tức Niết bàn”. Hàng Thanh Văn chẳng có trí huệ thâm sâu như Bồ tát, nên chẳng thấy được “Thế gian tức Niết bàn”.

Trong kinh Phật dạy ngài Tu Bồ đề rằng: “Sắc tức là

Không, Không tức là Sắc. Thọ, Tướng, Hành, Thức cũng là như vậy”.

Không tức là Niết bàn, Niết bàn tức là Không, như bài kệ thuyết:

*Niết bàn tức Thế gian.
Thế gian tức Niết bàn.
Niết bàn và Thế gian,
Chẳng hai cũng chẳng khác.*

Bồ tát đã vào được Thật Tướng pháp, nên chẳng nhằm chán thế gian, mà cũng chẳng đắm chấp Niết bàn.

Hỏi: *Tu 4 Niệm Xứ là đủ rồi, cần gì phải tu đầy đủ 37 Phẩm Trợ Đạo?*

Đáp: Mặc dù tu đầy đủ 4 Niệm Xứ cũng được Đạo, thế nhưng Bồ tát vẫn dạy cho chúng sanh tu 4 Chánh Cần, 4 Như Ý Túc, 5 Căn, 5 Lực, 7 Giác Chi, 8 Thánh Đạo.

Vì sao? Vì tâm tánh chúng sanh không đồng nhau, kiết sử có dày mỏng sai khác, nên Bồ tát phải tùy từng đối tượng chúng sanh mà lựa chọn pháp thích hợp, nhằm dạy cho họ, dẫn họ vào Đạo vậy.

Phật pháp tuy là Thật Tướng pháp, tuy là Nhất Tướng là Vô Tướng nhưng vì lợi ích cho chúng sanh mà Phật phương tiện lập ra 12 bộ kinh, 8 vạn 4 ngàn Pháp môn để mỗi chúng sanh dễ bề chọn lựa pháp môn tu thích hợp với căn trí của mình.

Ví như thấy chúng sanh chìm đắm trong bể khổ luân hồi, Phật thuyết 4 Thánh Đế: “Thân tâm đều là khổ. Nhân duyên sanh khổ chính là ái và các phiền não. Khi đoạn sạch phiền não thì hết khổ. Khi hết khổ thì liền thấy Niết bàn”.

Lại nữa, thấy chúng sanh thường bị loạn tâm, nên Phật thuyết 4 Niệm Xứ v.v...

Như vậy, Phật là bậc Vương Y, dùng đủ loại thuốc khác nhau, tùy theo bệnh của mỗi chúng sanh mà chẩn mạch, cho thuốc vậy.

Trong kinh có chép mẩu chuyện sau đây:

Trong một thời pháp, Phật hướng về một Tỷ-kheo và nói: “Này Tỷ-kheo! Nếu chẳng phải vật mà người ưa thích, thì người chẳng nên lấy”.

Vị Tỷ-kheo thưa: “Bạch Thế Tôn! Pháp gì mà con chẳng ưa thích thì con không nên nhận”.

Phật dạy: “Đối với chúng sanh cũng là như vậy. Tùy theo chúng sanh thích nghi với pháp nào, thì người nên dùng pháp ấy mà độ cho họ. Nếu cần 2 pháp thì nói Định và Huệ. Nếu cần 3 pháp thì nói Giới, Định và Huệ, nếu cần 4 pháp thì nói 4 Niệm Xứ.

Chư vị Bồ tát do có tín lực mạnh, lại có tâm đại bi, thương xót chúng sanh, nên học hết thầy các pháp, để tùy duyên độ họ. Phật tuy có vô lượng thần lực, nhưng chỉ dùng 10 Phật lực cũng đã đủ để độ chúng sanh rồi”.

-o0o-

Trong 37 Phẩm Trợ Đạo, có 10 pháp căn bản gồm: Tín, Giới, Tư Duy, Tinh tấn, Niệm, Định, Huệ, Từ, Hỷ, Xả.

Lại nữa, nên biết:

- Tín có tín căn và tín lực.
- Giới có chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng.

- Tinh tấn có tấn căn, tấn lực, tấn giác và chánh tinh tấn.
 - Huệ có huệ căn, huệ lực, huệ trạch pháp, chánh kiến.
 - Nếu các niệm đều tùy thuận trí huệ đều ở trong sự Duyên khởi mà chánh trú, thì gọi là Niệm Xứ.
 - Nếu phá tà pháp, hành chánh đạo, thì gọi là Chánh Căn.
 - Nếu nhiếp tâm an ổn ở trong duyên, thì gọi là Như Ý Túc.
 - Nếu khiến được tâm đắc pháp, thì gọi là Lực.
 - Nếu được nhiều trí tâm, thì gọi là lợi căn, thượng trí.
- Bồ tát dùng trí huệ như vậy nên thấy được Đạo, vào được nơi Thật Tướng pháp.

Hỏi: *Vì sao nói đến 4 Niệm Xứ trước, rồi sau mới nói đến 4 Chánh Căn?*

Đáp: Tu 37 Phẩm Trợ Đạo là mở đường bước vào Đạo. Hành giả khi mới được nghe pháp, mới học kinh, trước hết phải biết cách giữ gìn pháp, nên phải tu 4 Niệm Xứ.

Theo pháp ấy cầu đạo quả mà siêng năng tinh tấn hành trì thì được 4 Chánh Căn.

Tinh tấn quá nhiều cũng có thể khiến tâm bị tán loạn, nên phải nhiếp tâm cho được điều hòa, nhu nhuyễn, thì sẽ được 4 Như Ý Túc. Khi tâm đã được điều hòa, nhu nhuyễn rồi, mới sanh được 5 Căn:

- Vì Thật Tướng pháp quá thâm diệu, khó tin, khó giải, nên chỉ người thâm tín mới vào được. Như vậy gọi là có Tín Căn.
- Khi Tín Căn đã bền vững rồi, mới tinh tấn cầu Đạo, chẳng hề tiếc thân mạng. Như vậy gọi là có Tấn Căn.
- Thường niệm Đạo, gọi là có Niệm Căn.

- Thường nhiếp tâm, gọi là có Định Căn.

- Thường quán Thật Tướng của 4 Đế, gọi là có Huệ Căn.

Với sự tăng trưởng của 5 căn, các kiết sử, phiền não dần dần bị phá. Khi đã tăng trưởng vững chắc như rễ cây đại thọ bám chắc vào đất, thì 5 căn có sức mạnh thâm nhập sâu vào Đạo pháp và trở thành 5 Lực.

Khi đã đầy đủ 5 Lực rồi, hành giả tiến tu 7 Chân Thật Pháp, cũng được gọi là 7 Giác Chi, hay 7 Giác Phần, hay 7 Bồ đề Phần.

Phân biệt Đạo pháp có 3 pháp. Đó là: Trạch Giác Chi, Tinh tấn Giác Chi, Hỷ Giác Chi.

- Nếu 3 pháp này đã được chuyên nhất, đồng đều, thì phải tiến tu 3 pháp nữa. Đó là: Trừ Giác Chi, Định Giác Chi, Xả Giác Chi.

- Nếu khi hành Đạo mà tâm động thì phải tu chuyên nhất 2 Giác Chi Định và Niệm. Định Giác Chi và Niệm Giác Chi thường nhóm các thiện pháp, ngăn các ác pháp. Ví như người giữ cửa, thấy có lợi thì cho vào, không có lợi thì ngăn lại, không cho vào.

- Nếu tâm bị trầm một, thì phải niệm 3 Giác Chi Trạch, Tinh tấn và Xả để thức tỉnh trở lại.

- Nếu tâm bị tán loạn thì phải niệm 3 Giác Chi Trừ, Định và Xả để nhiếp tâm trở về.

- Như vậy là được đầy đủ 7 Chân Thật Pháp, chứng được vô vi, vào được Niết bàn. Bởi vậy nên gọi 7 pháp này là 7 Bồ đề Phần.

1) 4 Niệm Xứ

4 Niệm Xứ gồm có:

- Thân Niệm Xứ: Quán thân bất tịnh.
- Thọ Niệm Xứ: Quán thọ thị khổ.
- Tâm Niệm Xứ: Quán tâm vô thường.
- Pháp Niệm Xứ: Quán pháp vô ngã.

Phàm phu ở nơi Thân, Thọ Tâm, Pháp thường khởi ác tà niệm, rơi vào 4 chấp điên đảo là:

- Trong bất tịnh mà cho là tịnh.
- Trong khổ mà tưởng là vui.
- Trong vô thường mà tưởng là thường.
- Trong vô ngã mà chấp có ngã.

Như vậy 4 Niệm Xứ được lập ra nhằm phá 4 tà kiến chấp điên đảo của phàm phu về Thân, Thọ, Tâm và Pháp

Hỏi: Thế nào gọi là “*Quán thân bất tịnh*”?

Đáp: Hành giả y tịnh giới, trú nhất tâm, quán thân có 5 thứ bất tịnh. Đó là:

- Chỗ sanh bất tịnh.
- Chùng tử bất tịnh.
- Tự tánh xả bất tịnh.
- Tự tướng bất tịnh.
- Toàn thân rớt ráo bất tịnh.

* Về chỗ sanh ra thân bất tịnh, có bài kệ:

*Thân hôi hám ô uế,
Chẳng từ nơi hoa thom,
Chẳng từ nơi núi báu,
Mà sanh chỗ bất tịnh.*

* Về chúng tử thân bất tịnh, có bài kệ:

*Cha mẹ do tà niệm,
Dấy lên lửa dâm dục,
Toàn thân bùng khí nóng,
Biến thành ra tinh khí.
Con, do duyên nghiệp cảm,
Chúng tử thức thọ tinh,
An trú trong huyết trắng,
Hình thành chúng tử thân.
Thân bất tịnh, điên đảo,
Chẳng tìm lối tinh sạch,
Mà theo uế đạo sanh,
Ấy chúng tử bất tịnh.*

* Về tự tánh xả bất tịnh, có bài kệ:

*Từ chân lên đến đầu,
Bọc trong túi da mỏng,
Chứa toàn thứ bất tịnh,
Chẳng có gì tinh khiết.
Phàm phu đắm chấp thân,
Dùng y phục trang sức,
Lấy hương hoa xông ướp,
Lo tắm rửa, bổ dưỡng.*

Các thứ đem vào thân,
 Dù thơm tho quý giá,
 Chỉ trải qua một đêm,
 Đã biến thành bất tịnh.
 Dù đặc, lỏng, khí, hơi,
 Thái ra đều xú uế,
 Nước biển dù vô lượng,
 Chẳng sao tẩy sạch được.

* Về tự tướng bất tịnh, có bài kệ:

Sắc thân bất tịnh này,
 Có chín lỗ thoát ra:
 Hai mắt, hai lỗ tai,
 Hai lỗ mũi, lỗ miệng,
 Hai lỗ đái, tiểu tiện,
 Thái toàn thứ bất tịnh.
 Từ các lỗ chân lông,
 Thoát mồ hôi dơ bẩn...

* Về toàn thân rớt ráo bất tịnh, có bài kệ:

Thường xuyên khắp toàn thân,
 Như cái túi bị thủng,
 Tuôn ra chẳng ngừng nghỉ,
 Toàn những thứ bất tịnh.
 Thân, tự tướng bất tịnh.
 Chết rồi sẽ tan rã,
 Bỏ vào lửa thành tro,
 Chôn dưới đất nát hoại,

*Chưa chôn đã sinh thú,
Trùng bọ tìm đến ăn,
Thân người chết như vậy,
Thật quả là bất tịnh.*

-oOo-

Thân người bất tịnh như vậy, nên người tu phải dùng phép quán tưởng, như bài kệ thuyết:

*Quán thân bất tịnh này,
Quyết sẽ về chỗ chết,
Khi vô thường đã đến,
Chẳng sao níu kéo được
Như nước các nguồn sông,
Rãi rác khắp nơi nơi,
Khi dồn vào biển cả,
Đều biến thành vị mặn.
Những đồ ăn thức uống,
Dù ngon ngọt thơm tho,
Khi chuyển vào đến bụng,
Đều biến thành bất tịnh.
Người tu hành biết vậy,
Nên nhàm chán thân này,
Vô thường và bất định,
Vui ít, khổ lại nhiều.
Có thân là có khổ,
Khổ trong lẫn khổ ngoài.*

*Khổ trong gồm bốn thứ:
Là sanh, già, bệnh, chết.
Ngoài cũng nhiều thứ khổ,
Do nóng lạnh, binh đao...
Đã sanh có thân này,
Chẳng sao tránh được khổ.*

Hỏi: *Vì sao nói: “Thân chỉ có khổ mà chẳng có lạc”?*

Đáp: Các bậc thánh hiền nói đến các khổ sanh, già, bệnh, chết là thuần khổ. Vậy mà phàm phu vẫn cứ tìm thú vui trong các khổ ấy. Ở trong khổ, phàm phu chọn nổi khổ nhỏ làm niềm vui để tự an ủi lấy mình. Ví như người bị xử án tử hình, nếu được giảm án thành chung thân, sẽ cảm thấy vui mừng rồi vậy. Lại ví như người đi xa mệt mỏi, nếu tìm thấy được một nơi có bóng mát để nghỉ chân, sẽ được vui trong phút chốc, thế nhưng vừa hết mỏi mệt, nghĩ đến đoạn đường dài còn phải đi thì sẽ sanh khổ trở lại vậy. Như vậy là ở ngay trong vui đã tiềm tàng mầm móng khổ rồi.

Từ khi sanh ra đời đến khi nhắm mắt lìa đời chẳng có gì là vui cả, thế nhưng phàm phu vẫn cứ đắm mình trong 5 dục, tìm niềm vui trong chốc lát, để rồi phải gánh chịu bao nhiêu nổi khổ về sau.

Người lành mạnh thấy người đang lâm bệnh nặng rủ lòng thương xót. Cũng như vậy, người đã ly dục rồi nhìn người đam mê dục lạc rất đáng thương. Lừa dục thiêu đốt thân tâm, gây biết bao nhiêu khổ đau phiền não. Càng thọ dục, càng thêm khổ. Bởi nhân duyên vậy, nên phải thường quán thân là bất tịnh, là vô thường, là nguồn gốc của khổ đau, rồi phải tu ly dục để diệt khổ, mới mong tìm được sự an lạc.

Hỏi: *Vì sao gọi thân là vô ngã?*

Đáp: Vì thân chẳng được tự tại. Ví như người bị bệnh bại liệt chẳng có thể đi lại được; người bị bệnh yết hầu, chẳng có thể phát ra tiếng nói, chẳng có được tự tại vậy.

Người tu hành biết rõ “thân không tự tại” nên thường niệm thân là bất tịnh, là vô thường, là khổ, là không, là vô ngã. Như vậy gọi là “Thân Niệm Xứ”.

Người tu hành lại nghĩ rằng: “Chúng sanh, ở thân trước cũng như ở thân này, vì do 6 nội trần và 6 ngoại trần sanh ra 6 thức, mà có thọ khổ, có thọ lạc”. Như bài kệ thuyết:

*Tại gia cùng xuất gia
Chư Thiên, Long, Bát Bộ*,
Và hết thảy chúng sanh,
Trong năm đạo, mười phương,
Thường ưa vui, ghét khổ.
Hạng phàm phu, vô trí,
Do điên đảo làm lạc,
Đắm mình trong năm dục,
Chẳng cầu vui Niết bàn.
Người tu hành rõ biết:
Lạc thọ là giả danh,
Nơi lạc sẵn có khổ;
Lạc thọ trong thế gian,
Đều từ điên đảo sanh;*

*. Bát Bộ là tám bộ chúng gồm: Thiên (Trời); Long (Rồng); Dạ xoa; Càn thát bà; A-tu-la; Ca lâu la; Khẩn na la; Ma hầu la già.

*Người cầu lạc thọ ấy,
Chỉ chúc lấy toàn khổ.*

Hỏi: Thế gian, do chấp điên đảo, mà phải thọ khổ. Như vậy thì Thiên định Vô Lậu Lạc của chư vị thánh hiền có phải là thật lạc không?

Đáp: Vô Lậu Lạc là thật lạc, chẳng có dẫn sanh khổ.

Phật dạy: “Vô Thường là khổ” nhằm răn dạy người thế gian mê chấp các pháp hữu lậu, vô thường, sanh, diệt, mà phải thọ khổ.

Chư vị thánh hiền đã được Vô Lậu Pháp, tâm chẳng còn chấp đắm, nên chẳng còn bị lửa vô thường thiêu đốt nữa.

Hỏi: Vô Lậu Lạc và Hữu Lậu Lạc khác nhau như thế nào?

Đáp: Vô Lậu Lạc là thường, do trí huệ sanh, nên chẳng còn có các chấp. Còn Hữu Lậu Lạc là vô thường, do ái kiết dẫn sanh, và lấy ái làm gốc. Phải có Thật Trí huệ mới xa lìa được Hữu Lậu Lạc. Do quán hết thấy pháp vô thường, mà có được Vô Lậu Lạc, do vậy chẳng còn sanh kiết sử. Ví như con dê bị trói chờ giờ làm thịt, rõ biết số phận mình sắp chết, nên dù ăn nhiều cũng chẳng có sanh mỡ. Chư vị thánh hiền thọ Vô Lậu Lạc mà tâm chẳng có đắm trước, lại dùng tâm vô lậu quán chúng sanh đắm mình trong năm dục, mà cũng chẳng có đắm trước. Vì sao? Vì rõ biết “dục lạc” là vô thường, là hoại tướng. Dẫn đến thọ khổ, chư vị ấy cũng chẳng sanh tâm sân nhuế. Do chẳng chấp sự thọ lạc cũng như sự thọ khổ, mà chư vị thánh hiền thường ở trong chánh niệm. Như vậy gọi là “Thọ Niệm Xứ”.

Lại nữa, chư vị thánh hiền quán tâm chúng sanh điên đảo, niệm niệm sanh diệt, vô thường, ngay nơi mỗi niệm cũng

chẳng có trú, nên cũng chẳng có thọ khổ, thọ lạc. Vì sao? Vì tâm khi mới vừa thọ khổ, thọ lạc, thì liền thay đổi. Khi khổ hay lạc vừa mới dấy sanh, thì tâm liền đổi khác. Như vậy là niệm niệm tương tục thay đổi, thì làm sao có thể gọi là “Tâm thọ khổ hay thọ lạc”?

Lại nữa, tâm quá khứ đã diệt, tâm vị lai chưa sanh thì làm sao “có thọ khổ, có thọ lạc”?

Lại nữa, tâm hiện tại, ở nơi mỗi niệm, cũng chẳng an trú, thì làm sao có thọ khổ, có thọ lạc?

Bởi vậy nên phải quán: “Tâm hiện tại, tâm quá khứ, tâm vị lai đều là bất khả đắc”. Như vậy gọi là “Tâm Niệm Xứ”.

Hỏi: *Niệm hiện tại có trú. Như vậy làm sao lại nói “ở hiện tại chẳng có thọ khổ, chẳng có thọ lạc”?*

Đáp: Nên biết “Hết thấy pháp hữu vi đều là vô thường, nên chẳng có thời gian an trú”. Do vậy, ở hiện tại “chẳng có thọ khổ, chẳng có thọ lạc”.

Như lời Phật dạy: “Hết thấy pháp hữu vi đều chẳng có trú thời, mặc dù giả lập ra có 3 tướng Sanh, Trú, Diệt”. Ví như sự mặc chiếc áo mới trải qua 3 giai đoạn: chưa mặc, đang mặc, đã mặc. Thế nhưng ý niệm về “mặc áo mới” chẳng trú ở một thời điểm nào nhất định cả. Suy rộng, thì biết rõ các pháp, trải qua niệm niệm tương tục thay đổi, nên chẳng có trú thời. Đã chẳng có trú thời, thì làm sao có thọ khổ, có thọ lạc được?

Phàm phu tương tục sanh tâm nên tưởng có các tướng khổ, tướng lạc, mà chẳng biết rằng các pháp hữu vi đều là vô thường, trước không, nay có, tạm có rồi lại không.

Phật dạy: “Phàm phu có thể biết được thân vô thường, mà chẳng biết được tâm vô thường”.

Thật vậy, nhìn về quá khứ, từ khi còn non trẻ, tráng kiện, nay đã già nua, đầu bạc, răng long thì biết rõ thân này là vô thường, là như huyễn. Nhưng rất ít ai thấy được tâm vô thường.

Người tu, sau khi quán thân là vô thường, là bất khả đắc rồi, còn phải quán tâm là vô thường, là bất khả đắc; quán thức tâm do duyên hòa hợp sanh, chẳng có tự tại, nên cũng là vô ngã, bị các duyên bên ngoài chi phối. Như vậy gọi là “Tâm Niệm Xứ”.

Hỏi: *Tâm hay sai khiến thân, như ông vua thống trị cả một nước, sai sử thần dân, điều binh, khiển tướng. Lại nữa, do có tâm sai khiến, thì thân mới thọ dục lạc. Như vậy, vì sao nói “Tâm là vô ngã”?*

Đáp: Nếu nói tâm có ngã, thì tâm cũng sai sử ngã. Như vậy là không cùng. Vì nếu tâm sai sử ngã, rồi ngã lại sai sử tâm, khiến tâm sai sử thân, thì chẳng bao giờ cùng tận được vậy.

Hỏi: *Người lấy lửa thiêu đốt vật hẵn là phải có dụng tâm rồi, nhưng nếu không có thần thì lấy gì sai sử được tâm người?*

Đáp: Lửa tự có công năng thiêu đốt, chẳng phải có người dụng tâm thiêu đốt, cũng chẳng phải đợi có thần sai sử tâm người mới thiêu đốt được vật.

Lại nữa, các pháp hữu vi có tướng, còn thần là chẳng có tướng. Nếu ta muốn thờ ra, thờ vào, muốn thọ khổ, thọ lạc, mà quy tất cả các tướng ấy đều là thần tướng, thì không thể được vậy. Vì sao? Vì hơi thờ ra vào là thân tướng, còn thọ khổ, thọ lạc là tâm tướng. Không thể nói tâm tướng và thân tướng đều là thần tướng được vậy.

Ngoài ra chẳng có thể nói tâm và thân có ngã hay không có ngã được. Vì sao? Vì nói như vậy là chẳng biết rõ về “Ngã” và về “Vô Ngã”. Nên biết ở nơi tự thân, tự tâm cũng như ở nơi tha thân, tha tâm, thì câu Ngã cũng đều là bất khả đắc cả, như trong phẩm Như Thị Ngã Văn đã nói rõ rồi.

Bởi nhân duyên vậy, nên phải quán: “Hết thảy các pháp đều do duyên hòa hợp sanh, đều là Không, là hư vọng, chẳng thật có”. Như vậy gọi là Pháp Niệm Xứ.

-oOo-

Niệm Xứ có 3 nghĩa. Đó là:

- Tánh Niệm Xứ.
- Cộng Niệm Xứ.
- Duyên Niệm Xứ.

Hỏi: Thế nào gọi là “Tánh Niệm Xứ”?

Đáp: Quán Tánh Niệm Xứ là quán trí huệ ở nơi thân, nơi thọ, nơi tâm, nơi pháp.

Quán trí huệ nơi thân nhiếp về Thân Niệm Xứ; quán trí huệ nơi thọ nhiếp về Thọ Niệm Xứ; quán trí huệ nơi tâm nhiếp về Tâm Niệm Xứ; quán trí huệ nơi pháp nhiếp về Pháp Niệm Xứ.

Hỏi: Thế nào gọi là “Cộng Niệm Xứ”?

Đáp: Quán Cộng Niệm Xứ là quán các nhân duyên sanh Đạo, dù hữu lậu hay vô lậu, do nơi thân, nơi thọ, nơi tâm, nơi pháp.

Quán nhân duyên sanh Đạo nơi thân nhiếp về Thân Niệm Xứ; Quán nhân duyên sanh Đạo nơi thọ nhiếp về Thọ Niệm Xứ; Quán nhân duyên sanh Đạo nơi tâm nhiếp về Tâm Niệm Xứ; Quán nhân duyên sanh Đạo nơi pháp nhiếp về Pháp Niệm Xứ.

Hỏi: Thế nào gọi là “Duyên Niệm Xứ”?

Đáp: Quán hết thấy các sắc do 5 căn xúc 5 trần, sanh 10 nhập, là Duyên Niệm Xứ, nhiếp về Thân Niệm Xứ.

Quán 6 căn (nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt thân, ý) duyên 6 trần (sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp) sanh ra các cảm thọ, là Duyên Niệm Xứ, nhiếp về Thọ Niệm Xứ.

Quán 6 căn duyên 6 trần sanh ra 6 thức là Duyên Niệm Xứ, nhiếp về Tâm Niệm Xứ.

Quán các tướng duyên các hành, sanh các pháp hữu lậu, hữu vi, vô lậu, vô vi, dẫn đến 3 pháp vô vi bất tương ưng là Duyên Niệm Xứ, nhiếp về Pháp Niệm Xứ.

Các Duyên Niệm Xứ cũng là Tánh Niệm Xứ, vì đều do Tánh Trí huệ mà có vậy.

-oOo-

Tánh Niệm Xứ là vô sắc, chẳng thể thấy được, lại cũng là vô đối. Tánh Niệm Xứ có thể hoặc là hữu lậu hoặc là vô lậu. Nếu là hữu lậu thì là hữu báo; nếu là vô lậu thì là vô báo. Tất cả đều là pháp hữu vi. Do nhiếp ngoại nhập, mà giả danh có 3 đời.

Dùng trí huệ biết rõ: Hữu lậu là có đoạn, vô lậu là chẳng có đoạn (phi đoạn); để từ đó tiến tu các pháp vô cầu.

Vô lậu chẳng phải thọ pháp (phi thọ pháp), chẳng do 4 Đại tạo thành (phi 4 Đại tạo).

Hữu Lậu Niệm Xứ tương ưng với nhân hữu lậu; Vô Lậu Niệm Xứ tương ưng với nhân vô lậu. Tuy nhiên đối với Vô Lậu Niệm Xứ, thì tất cả các nhân hữu lậu và vô lậu đều tương ưng cả.

Tất cả 4 Niệm Xứ đều nhiếp 6 niệm thiện. Các niệm bất thiện và vô ký thì không nhiếp về 4 Niệm Xứ.

Hoặc có 4 Niệm Xứ chẳng phải hữu lậu (4 Niệm Xứ phi hữu lậu); hoặc có hữu lậu chẳng phải 4 Niệm Xứ (hữu lậu phi 4 Niệm Xứ); hoặc có 4 Niệm Xứ và cũng có hữu lậu; hoặc chẳng có 4 Niệm Xứ chẳng phải là hữu lậu (phi 4 Niệm Xứ phi hữu lậu). Đây là Vô Lậu Tánh.

Hoặc có 4 Niệm Xứ cũng hữu lậu, mà chẳng phải 4 Niệm Xứ (phi 4 Niệm Xứ). Đây là Trừ Hữu Lậu Tánh.

Hoặc có 4 Niệm Xứ dư tàng hữu lậu phần. Dư tàng của 4 Niệm Xứ là Hữu Lậu Pháp Hữu Lậu Tánh.

Hoặc có 4 Niệm Xứ chẳng phải 4 Niệm Xứ (phi 4 Niệm Xứ). Đây chẳng phải là hữu lậu pháp (phi hữu lậu pháp), và là Trừ Vô Lậu Tánh.

Hoặc có 4 Niệm Xứ dư tàng ở vô lậu pháp.

-o0o-

Cộng Niệm Xứ chẳng có sắc (phi sắc), nhưng vẫn có sắc dư tàng, nên có các nghiệp thân, nghiệp khẩu.

Do là phi sắc nên Cộng Niệm Xứ là vô đối, là chẳng thể thấy được (bất khả kiến).

Cộng Niệm Xứ, dù là hữu lậu, dù là vô lậu, cũng đều là pháp hữu vi, là hữu lậu niệm xứ. Do vậy nên hữu lậu niệm xứ là hữu báo, vô lậu niệm xứ là vô báo.

Cộng Niệm Xứ, trong 3 đời, nhiếp được các nghiệp thân, nghiệp khẩu ở cõi Sắc; còn tàng dư của Cộng Niệm Xứ thì nhiếp được tâm ý thức nội cũng như ngoại.

Do tu trí huệ mà biết được hữu lậu là đoạn, vô lậu là chẳng phải đoạn (phi đoạn), để từ đó tiến tu các pháp vô cấu, thành Đạo quả. Hết thấy 3 đời đều chẳng phải thọ pháp (phi thọ pháp). Các nghiệp thân và khẩu là do 4 Đại tạo, mà dư tàng chẳng phải do 4 Đại tạo (phi 4 Đại tạo). Tất cả đều là pháp hữu tướng.

Dù là hữu lậu niệm xứ, thì niệm xứ ấy cũng là vô lậu. Vì sao? Vì có các nghiệp thân, nghiệp khẩu, mà tâm chẳng tương ưng với hành. Đây cũng là chẳng có nhân tương ưng (phi tương ưng nhân); chỉ dùng dư tàng để làm nhân tương ưng mà thôi.

Sau khi xả phần Niệm rồi, còn lại 5 phần thiện. 5 phần thiện này tùy loại, phân nhiếp 4 Niệm Xứ, và 4 Niệm Xứ cũng nhiếp 5 phần thiện này.

-o0o-

Về Duyên Niệm Xứ, có 1 Niệm Xứ là sắc, đó là Thân Niệm Xứ; còn 3 Niệm Xứ kia chẳng phải là sắc. Lại có 1 Niệm Xứ có thể phân biệt được, đó là Thân Niệm Xứ.

Đối với 10 Nhập, thì Thân Niệm Xứ chỉ quán được 1, vì có 1 phần Thân Niệm Xứ là hữu lậu. Thọ Niệm Xứ cũng có 1 phần hữu lậu. Tâm Niệm Xứ, nếu tương ưng với ý là hữu lậu; nếu tương ưng với vô lậu ý là vô lậu. Pháp Niệm Xứ là hữu lậu.

Nếu Thân Niệm Xứ hành hữu lậu thiện, và hữu lậu bất thiện, thì là hữu báo; còn Vô Ký Thân Niệm Xứ là vô báo. Thọ Niệm Xứ, Tâm Niệm Xứ và Pháp Niệm Xứ cũng là như vậy.

Lại nữa, phải phân biệt Hữu vi Pháp Niệm Xứ theo nhân duyên sanh; Vô vi Pháp Niệm Xứ thì không theo nhân duyên sanh.

Lại nữa, phải phân biệt Hữu vi Pháp Niệm Xứ nhiếp cả 3 đời; còn Vô vi Pháp Niệm Xứ thì không nhiếp 3 đời.

Lại nữa, phải phân biệt có 1 Niệm Xứ nhiếp sắc, đó là Thân Niệm Xứ; còn 3 Niệm Xứ kia nhiếp danh. Có 1 Niệm Xứ nhiếp nội nhập, đó là Thân Niệm Xứ; còn 3 Niệm Xứ kia nhiếp cả nội nhập và ngoại nhập.

Dùng trí huệ để biết rõ: Hữu lậu là có đoạn, vô lậu là chẳng có đoạn. Nhờ vậy, khi tu Thân Niệm Xứ mới phân biệt được các pháp thiện nên tu, các pháp bất thiện và vô ký chẳng nên tu. Thọ Niệm Xứ, Tâm Niệm Xứ, Pháp Niệm Xứ cũng là như vậy.

Ở nơi tội cấu cũng phải nên phân biệt: Nếu ở nơi Thân Niệm Xứ mà còn nhiễm trước, là còn cấu, phải nên xả, nếu chẳng còn nhiễm trước là đã được vô cấu. Đối với Thọ Niệm Xứ, Tâm Niệm Xứ, Pháp Niệm Xứ cũng là như vậy.

Cả 3 Niệm Xứ Thân, Thọ và Tâm đều có quả. Nhưng riêng Pháp Niệm Xứ có thể có quả hay không có quả. Ví như nói về số duyên tận là quả mà chẳng có quả (quả phi hữu quả).

Cả 3 Niệm Xứ Thọ, Tâm và Pháp đều không thọ thân số.

Riêng Thân Niệm Xứ, nếu đọa về thân số, thì có thọ quả, còn nếu không đọa về thân số, thì không thọ quả. Vì sao? Vì 3 Niệm Xứ Thọ, Tâm và Pháp chẳng do 4 Đại tạo (phi 4 Đại

tạo); chỉ riêng Thân Niệm Xứ thì phần lớn do 4 Đại tạo, phần nhỏ chẳng do 4 Đại tạo.

Lại nữa, phải có 2 trong 4 Niệm Xứ mới có tương ưng nhân; nếu chỉ có một thì không có tương ưng nhân. Trong 4 Niệm Xứ thì Thọ Niệm Xứ, Tâm Niệm Xứ và Pháp Niệm Xứ có tương ưng nhân; còn Thân Niệm Xứ không có tương ưng nhân.

Trên đây là nói về 6 pháp thiện phân nhiếp 4 Niệm Xứ, và ngược lại 4 Niệm Xứ cũng phân nhiếp 6 pháp thiện. Các pháp bất thiện và vô ký cũng tùy theo chủng loại mà tương ưng.

Hỏi: *Thế nào gọi là nội thân? Thế nào gọi là ngoại thân? Quán nội thân và quán ngoại thân là đủ rồi. Sao còn nói “quán nội ngoại thân” làm gì nữa?*

Đáp: Nội thân là tự thân, ngoại thân là tha thân.

Nội thân theo nghĩa hẹp là tự thân, tức là thân của chính mình, theo nghĩa rộng thì bao gồm luôn những gì ở nơi thân mình.

Ngoại thân theo nghĩa hẹp là tha thân, tức là thân của người khác, nhưng theo nghĩa rộng thì bao gồm luôn cả những gì ở bên ngoài thân mình.

Ví như: 5 căn, 5 tình thuộc về nội thân, 5 trần thuộc về ngoại thân. 4 Đại tạo sắc nơi thân mình thuộc về nội thân, 4 Đại ở bên ngoài thuộc về ngoại thân. Đầu, mắt, chân, tay của mình thuộc về nội thân; vợ, con, ruộng, vườn v.v... thuộc về ngoại thân.

Người tu hành sau khi quán nội thân rồi, phải quán ngoại thân. Sau đó lại quán nội, ngoại thân là một tướng, chẳng phải hai, chẳng phải khác.

Ví như: Sau khi quán tự thân mình chứa toàn thứ bất tịnh, lại quán thân người chết tanh hôi, sinh thối, rồi quán tướng của tử thi làm tướng của tự thân mình. Nhờ vậy mà ly được các dục. Cũng ví như khi gặp một người con gái đẹp, khiến mình sanh tâm đam mê, thì phải liền quán thân người con gái ấy cũng bất tịnh, chẳng khác gì thân của chính mình. Nhờ vậy mà sanh nhàm chán.

Lại như, do quán nội ngoại thân mà rõ biết thân mình cũng chẳng ngoài 4 Đại, 4 Đại tạo ra thân mình và 4 Đại ở bên ngoài cũng chẳng khác vậy.

Hỏi: *Vì sao nói: “Quán hết thấy các sắc pháp là Thân Niệm Xứ”?*

Đáp: Người tu hành cầu ở trong nội thân có “Thường, Lạc, Ngã, Tịnh”. Thế nhưng sự mong cầu ấy cũng là bất khả đắc. Vì sao? Vì chính ngoại vật là chỗ đả trước của nội thân.

Như vậy, sau khi quán nội thân bất khả đắc rồi, lại phải quán ngoại thân cũng bất khả đắc.

Quán nội thân bất khả đắc, quán ngoại thân bất khả đắc chỉ là Biệt Tướng Quán. Nay quán nội ngoại thân đều bất khả đắc là Tổng Tướng Quán. Như vậy là đầy đủ quán Thân Niệm Xứ vậy.

Hỏi: *Khi quán Thọ Niệm Xứ, làm thế nào để phân biệt nội thọ và ngoại thọ?*

Đáp: Phật dạy: “Có 2 thứ thọ, đó là thân thọ và tâm thọ. Thân thọ là ngoại thọ, còn tâm thọ là nội thọ”.

Lại nữa, thọ do 5 thức ngoài tương ưng với 5 trần là ngoại thọ, thọ do ý thức tương ưng với nội trần là nội thọ.

Do nhân duyên có 12 nhập nên mới có sanh ra các thọ. Bên trong có 6 nội nhập, bên ngoài có 6 ngoại nhập sanh ra các thọ.

Tâm thọ ở trong rất vi tế, còn thân thọ ở ngoài thì thô trọng. Cũng như có hai thứ thọ khổ ở trong và ở ngoài khác nhau. Khổ ở bên ngoài là thân khổ, còn khổ ở bên trong là tâm khổ. Thân khổ do 400 bệnh gây ra, lại do bị đâm chém, giam cầm, cướp bóc v.v... Tâm khổ do sợ hãi, ưu sầu v.v...

Thân tâm khổ là hai thứ khổ trong và ngoài hòa hợp. Ví như bị quan quân bắt bớ, giam cầm, bị giặc cướp, bị thú dữ hay rắn độc cắn bích, bị bão táp, bị lũ lụt, bị sấm sét đe dọa v.v... khiến cho cả thân lẫn tâm đều thọ khổ.

Lại nữa, thọ do duyên nội pháp là nội thọ, thọ do duyên ngoại pháp là ngoại thọ.

Trong kinh có nói đến 108 thứ nội thọ, các thọ khác là ngoại thọ.

Hỏi: *Tâm dung nội nhập. Như vậy làm sao quán được nội tâm?*

Đáp: Tâm dung nội nhập nhưng lại duyên các pháp ở bên ngoài. Bởi vậy nên gọi là nội tâm duyên ngoại pháp.

Khi nói “Nội tâm duyên...”, thì nên biết “ý thức là nội tâm”, còn 5 thức ngoài là ngoại tâm”, “tâm nhiếp vào Thiền định là nội tâm” còn “tâm tán loạn là ngoại tâm”.

Lại nữa, trong có 5 cái, 7 Giác Chi tương ưng tâm là nội tâm, ngoài cũng có 5 cái, 7 Giác Chi tương ưng tâm là ngoại tâm.

Hỏi: *Pháp Niệm Xứ nhiếp ngoại nhập. Như vậy làm sao quán được ngoại pháp?*

Đáp: Trừ các thọ ra, ý thức hay duyên các tâm sở pháp, các pháp bất tương ưng hành và các vô vi pháp.

Các tâm sở pháp nhiếp về nội pháp. Các pháp bất tương ưng hành và các pháp vô vi nhiếp về ngoại pháp.

Như vậy trừ các thọ ra, còn bao nhiêu tâm sở pháp, do ý thức duyên, đều là nội pháp cả.

2) 4 Chánh Căn

4 Chánh Căn gồm có:

- Điều ác đã sanh, phải trừ dứt.
- Điều ác chưa sanh, phải ngăn đừng cho sanh.
- Điều lành chưa sanh, phải khiến cho sanh.
- Điều lành đã sanh, phải khiến tăng trưởng.

Như vậy tu 4 Chánh Căn, hành giả ngăn được hai chủng pháp bất thiện nhóm hợp, đồng thời làm nảy sanh và tăng trưởng hai chủng pháp thiện.

Nếu tu 4 Niệm Xứ, mà có tâm giải đãi thì các phiền não ngăn che tâm tinh tấn. Như vậy sẽ chẳng có được 4 Chánh Căn.

Trái lại nếu siêng năng tinh tấn, tu 4 Niệm Xứ, thì sẽ được đầy đủ 4 Chánh Căn.

Hỏi: Các hạnh tu về 4 Chánh Căn và về 8 Chánh đạo đều nhiếp về Tinh tấn Giác Chi cả. Như vậy vì sao tu 4 hạnh nêu trên đây thì được 4 Chánh Căn, còn tu 8 hạnh thì được 8 Chánh đạo?

Đáp: Nếu tinh tấn tu 4 hạnh nêu trên đây thì được tâm đồng mãnh, chẳng còn lậm lạc nên gọi là Chánh Căn.

Được đầy đủ 4 Chánh Căn rồi, nếu tinh tấn tu thêm 4

pháp nữa thì tâm càng đồng mãnh thêm, càng kiên cố thêm, khiến chẳng còn sợ đọa về tà pháp, nên vào được Chánh đạo. Như vậy là 4 hạnh tinh tấn này, cộng thêm 4 hạnh tinh tấn nữa là nhân duyên sanh Chánh đạo.

Cũng nên biết rằng, khi tu 4 Chánh Cần, hành giả có thể sanh loạn tâm. Nếu lúc bấy giờ hành giả lấy định để nhiếp tâm về thì sẽ được Như Ý Túc.

Ví như món ăn thiếu muối chẳng có vị, nếu có thêm chút ít muối liền trở thành thơm ngon. Lại ví như người đi đường xa phải tìm ngựa tốt, sẽ đi được đến nơi nhanh chóng theo như ý mong muốn.

Người tu hành cũng vậy, tu 4 Niệm Xứ để được Thật Trí huệ, tu 4 Chánh Cần để được Chánh Tinh tấn, làm cho trí huệ tăng trưởng thêm lên, nên tu 4 Chánh Cần mà thường nhiếp tâm, không để tán loạn thì sẽ được Như Ý Túc.

-o0o-

3) 4 Như Ý Túc

4 Như Ý Túc gồm có:

- Dục Như Ý Túc.
- Niệm Như Ý Túc.
- Tinh tấn Như Ý Túc.
- Tư Duy Như Ý Túc.

Nếu khi tu 4 Chánh Cần mà trí huệ còn kém, thì phải tu thêm 4 Định để nhiếp tâm. Tâm có định thì trí huệ mới được nhu nhuyễn, viên mãn. Bởi nhân duyên vậy, nên gọi 4 định này là 4 Như Ý Túc.

Hỏi: *Vì sao không gọi 4 Niệm Căn, 4 Chánh Căn là Như Ý Túc?*

Đáp: Dù lực Tinh tấn và lực Trí huệ nhiều, nhưng nếu lực thiên định còn ít thì chưa có thể được Như Ý Túc.

Phải lấy tư duy làm chủ mới vào được định. Có định đầy đủ rồi, mới duyên khởi sanh Đạo, dù là hữu lậu, dù là vô lậu.

Nếu dùng định cùng với 5 thiện căn, rộng phân biệt các pháp hữu lậu và vô lậu thì gọi là Cộng Như Ý Túc. Nếu làm chủ được cả 4 định thì gọi là Tánh Như Ý Túc.

-o0o-

4) 5 Căn

5 Căn gồm có: Tín Căn - Tấn Căn - Niệm Căn - Định Căn - Huệ Căn.

Hỏi: *5 Căn có ý nghĩa gì?*

Đáp: Nếu có lòng tin vững chắc nơi Đạo pháp, khiến từ đó phát sanh nhiều hạnh lành thì gọi là có Tín Căn.

Nếu thường siêng năng tinh tấn cầu Đạo pháp, hành các hạnh lành thì gọi là có Tấn Căn.

Nếu thường niệm Đạo chẳng niệm gì khác, thì gọi là có Niệm Căn.

Nếu thường nhất tâm niệm Đạo, không hề tán thán loạn, thì gọi là có Định Căn.

Nếu thường tu quán chiếu(**) khiến trí huệ được tăng trưởng,

** . Người tu 4 Thánh Đế, nương theo mỗi Đế, quán 4 Hạnh Tướng,

sáng suốt, lanh lợi, nhu nhuyễn, thì gọi là có Huệ Căn.

5) 5 Lực

5 Lực gồm có: Tín Lực - Tấn Lực - Niệm Lực - Định Lực - Huệ Lực.

Khi 5 Căn đã được tăng trưởng vững mạnh rồi, sẽ trở thành 5 sức mạnh, chẳng gì có thể phá hoại được, gọi là 5 Lực.

-o0o-

6) 7 Giác Chi

7 Giác Chi gồm:

- Niệm Giác Chi.
- Trạch Giác Chi.
- Tinh tấn Giác Chi.
- Hỷ Giác Chi.
- Trừ Giác Chi (tức Khinh an Giác Chi).
- Định Giác Chi.
- Xả Giác Chi.

cộng là 16 Hạnh Tướng. Đó là:

- Nương theo Khô Đế, quán: Vô Thường - Khô - Không - Vô Ngã
- Nương theo Tập Đế, quán: Nhân (sự gieo trồng chủng tử) - Tập (sự tập hợp, tăng trưởng chủng tử) - Sanh (sự sanh khởi tương tục của các chủng tử) - và Duyên (Sự Duyên khởi chủng tử thành hiện hạnh).
- Nương theo Diệt Đế, quán: Diệt (sự diệt của 5 uẩn) - Tĩnh (sự lặng im của 3 độc) - Diệu (sự an ổn) - Ly (sự thoát khỏi các ách nạn)
- Nương theo Đạo Đế, quán: Đạo (sự thông suốt đạo lý) - Như (sự khế hợp với chánh lý) - Hành (sự đi đúng đường chánh) - Xuất (sự siêu thoát vĩnh viễn).

7 Giác Chi là 7 phần Giác, hợp lại thành quả Bồ đề. Bởi vậy nên 7 Giác Chi còn được gọi là 7 Giác Phần hoặc 7 Bồ đề Phần.

Trong 4 Niệm Xứ cũng có nghĩa của 7 Giác Chi, bao gồm cả các pháp hữu vi và các pháp vô vi.

Nếu ở pháp vô vi thì là vô sắc, vô đối, vô lậu nên chẳng có thể thấy được.

Nếu ở pháp hữu vi thì làm duyên khởi nghiệp các pháp thiện trong 3 đời. Đây là nghiệp ngoại nhập.

Nếu tu Huệ thì rõ biết được là bất khả đoạn, vì là chẳng có đoạn (phi đoạn). Nếu tu Vô Cấu thì cũng có quả mà chẳng có thọ pháp (phi thọ pháp), vì chẳng pháp do 4 Đại tạo thành (phi 4 Đại tạo). Tuy có Thượng Pháp mà chẳng có tương ưng nhân.

Có 2 pháp thiện nghiệp 7 Giác Chi, còn các pháp bất thiện và vô ký thì không nghiệp 7 Giác Chi.

Như vậy 7 Giác Chi cũng hàm chứa trong 4 Niệm Xứ vậy.

-o0o-

7) 8 Thánh Đạo

8 Thánh Đạo gồm có:

- Chánh Kiến.
- Chánh Tư duy.
- Chánh Ngữ.
- Chánh Nghiệp.
- Chánh Mạng.
- Chánh Tinh tấn.
- Chánh Niệm.

- Chánh Định.

8 Thánh Đạo còn gọi là 8 Chánh đạo, là 8 con đường Chánh. Theo 8 con đường này mà tu tập thì sẽ được thoát khổ, sẽ đến được cõi Niết bàn an lạc.

Tu 4 Niệm Xứ, Huệ Căn, Huệ Lực sẽ được Chánh Kiến.

Tu Trạch Giác Chi sẽ được Chánh Tư Duy. Khi quán Vô Lậu Thánh Đế, tâm được tương ưng với Vô Lậu Huệ, biết trừ lượng các phương tiện chánh đáng nên cũng được Chánh Tư duy.

Tu 4 Chánh Cần, tu Tinh tấn Giác Chi sẽ được Chánh Tinh tấn.

Tu 4 Niệm Xứ, tu Niệm Giác Chi sẽ được Chánh Niệm.

Được 4 Như Ý Túc, Định Căn, Định Lực, Định Giác Chi là có được Chánh Ngữ, Chánh Nghiệp và Chánh Mạng.

Khi được Chánh Mạng rồi, dùng Vô Lậu Huệ xả 5 tà mạng.

Cũng nên biết 5 việc làm nêu sau đây là những việc làm không chánh đáng, nên gọi là Tà Mạng. Đó là:

-Vi lợi dưỡng mà hiện các pháp thuật kỳ lạ, nhằm mê hoặc người khác.

-Vi lợi dưỡng mà phô trương các công đức của mình.

-Vi lợi dưỡng mà xem bói toán, đoán vận mạng tốt xấu... để nhằm mê hoặc người khác.

-Vi lợi dưỡng mà hiện những oai nghi, khiến người khác sợ hãi phải cung kính, cúng dường mình.

-Vi lợi dưỡng mà tán thán sự cúng dường, thúc đẩy người khác đem tài vật cúng dường để nuôi sống mình.

Nói tóm lại, 8 Thánh Đạo gồm 8 Chánh Hạnh chia ra làm 3 nhóm:

- 3 hạnh thuộc về Giới.
- 3 hạnh thuộc về Định.
- 2 hạnh thuộc về Huệ.

Trước đây đã nói về Định Phần và Huệ Phần. Nay nói về Giới Phần.

Gới Phần thuộc về tánh sắc nên chẳng có thể thấy được.

Gới Phần Duyên khởi cả 3 đời. Tu pháp Vô Cấu sẽ được quả của Giới Phần.

Trong 3 Giới Phần có 1 Giới Phần nhiếp các pháp hữu lậu thiện.

Các pháp hữu lậu bất thiện và vô ký không nhiếp về Giới Phần.

Còn các pháp vô lậu thiện đều nhiếp về cả 3 Giới Phần.

-o0o-

Sau đây là phần trình bày về tiến trình tu tập 37 Phẩm Trợ Đạo theo pháp Thanh Văn và theo pháp Bồ tát.

A) Tiến trình tu tập 37 Phẩm Trợ Đạo, theo pháp Thanh Văn:

Trong A Tỳ Đàm nói về tiến trình tu tập 37 Phẩm Trợ Đạo như sau:

- Ở Sơ Thiên có đủ cả 37 Phẩm. Khi chưa vào Sơ Thiên chỉ có 36 Phẩm, trừ Hỷ Giác Chi.

- Vào Nhị Thiên có 36 Phẩm, trừ Chánh Hạnh.

- Ở chặng giữa Tam Thiên và Tứ Thiên có 35 Phẩm, trừ Hỷ Giác Chi và Chánh Hạnh.

- Vào 3 Định Vô Sắc có 32 Phẩm, trừ Hỷ Giác Chi, Chánh Hạnh, Chánh Ngữ, Chánh Nghiệp và Chánh Mạng.

- Nơi Hữu Đánh có 22 Phẩm, trừ 7 Giác Chi và 8 Thánh Đạo.

- Ở Dục Giới cũng có 22 Phẩm.

Tất cả những nghĩa nêu trên đây là y theo pháp Thanh Văn mà biệt giải.

B) Tiến trình tu tập 37 Phẩm Trợ Đạo, theo pháp Bồ tát:

Hơn hết thầy Thanh Văn và Bích Chi Phật, Bồ tát tu tập 37 Phẩm Trợ Đạo nhằm vào Bồ tát vị, lần lần được Nhất Thiết Trí

1. Tu 4 Niệm Xứ:

* Quán Thân Niệm Xứ:

Bồ tát quán thân là vô thường, là khổ, đầy dẫy bất tịnh, và biết rõ do nhân duyên đời trước đã tạo nhiều nghiệp hữu lậu, nên đời nay mới phải thọ thân 4 Đại này.

Ví như chiếc xe có 2 bánh, do sức trâu kéo, di chuyển từ đời này sang đời khác. Chiếc xe dụ cho chúng sanh, sức trâu dụ cho thức, 2 bánh xe dụ cho 2 đời nhân duyên.

Bồ tát quán thân là vô thường, phá hoại, nên là bất khả đắc. Thân đời trước, thân đời nay, thân đời sau cũng đều bất khả đắc cả.

Bồ tát lại quán trong thân có 8 vạn côn trùng phá hoại thân, quán thân bị các khổ nạn như đói khát, nóng lạnh, bệnh hoạn... thường xuyên làm khổ thân.

Bồ tát lại quán thân này chẳng tự tại, là tự tướng Không, chỉ do các duyên hòa hợp mà giả lập ra có thân vậy. Quán như vậy rồi, Bồ tát tự nghĩ rằng: “Ta chẳng nên tiếc thân mạng. Vì sao? Vì thân nghiệp chẳng có hợp, chẳng có tan, chẳng có đến, chẳng có sanh, chẳng có diệt.

Bồ tát lại quán thân là vô ngã, nên là tự tướng Không. Vì là tự tướng Không nên chẳng có tướng nam, tướng nữ... tất cả các tướng của thân này đều chẳng phải hai, chẳng phải khác, đều là vô tướng. Bồ tát quán như vậy, vào được nhà Bồ tát, biết rõ thân là vô tác, chỉ do các nhân duyên hòa hợp sanh, nên là hư vọng, chẳng thật có. Bồ tát lại quán nơi các nhân duyên cũng chẳng có tướng nhân duyên, lại quán “sanh” cũng chẳng có tướng sanh. Bồ tát tư duy như vậy, nên biết rõ thân này từ vô thi đến nay là vô tướng, vô tác, vô sanh. Thế nhưng phàm phu do mê muội, chấp thân này là thật có. Quán thân như vậy là quán Thật Tướng của thân, xa lìa được các nhiễm trước, thường buộc niệm vào thân vậy.

Như vậy là lược nói về “Quán Thân Niệm Xứ của Bồ tát”.

* Quán Thọ Niệm Xứ:

Bồ tát quán “nội thọ” có 3 thứ, là: Khổ - Lạc - Phi Khổ Lạc.

Bồ tát lại quán khác thọ, khi sanh, chẳng từ đâu đến, khi diệt, cũng chẳng đi về đâu, các thọ chỉ do vọng tưởng điên đảo sanh, và do quả báo nghiệp từ đời trước.

Bồ tát lại quán các thọ là Không, là vô ngã, là vô thường, là phá hoại. Dẫn đến quán các thọ trong cả 3 đời cũng đều là Không, là vô tướng, là vô tác.

Bồ tát quán như vậy, nên vào được 3 Giải Thoát Môn.

Như vậy là lược nói về “Quán Thọ Niệm Xứ của Bồ tát”.

* Quán Tâm Niệm Xứ:

Bồ tát quán tâm có 3 tướng Sanh, Trú, Diệt, nhưng cũng rõ biết khi sanh, tâm chẳng từ đâu đến, khi diệt cũng chẳng đi về đâu, chỉ do các nhân duyên trong và ngoài hòa hợp mà có “sanh” vậy thôi.

Bồ tát biết rõ “tâm” chẳng thật có, ở cả 3 đời “tâm” là bất khả đắc. Do ngoài có 6 trần làm nhân duyên, mà sanh có các tướng điên đảo về tâm, tướng có tâm tương tục sanh diệt, mà gượng ép nói có tâm vậy thôi. Thật sự muốn tìm tâm chẳng sao có thể tìm được. Vì sao? Vì tướng tâm là bất khả đắc, tướng tâm là vô tướng vậy.

Trước sau tâm cũng chẳng phải là thật pháp. Tâm là vô sắc, vô hình, chỉ do điên đảo vọng tưởng mà sanh có tâm. Thật ra, tâm là Không, là vô ngã, là vô ngã sở, là vô thường, là chẳng thật có. Đây là do tùy thuận tâm quán mà biết tâm là vô sắc, nên vào được trong “tâm vô sắc pháp” vậy.

Người trí quán các tướng tâm sanh cũng như diệt đều là bất khả đắc. Khi chẳng còn phân biệt cấu tịnh nữa, thì tâm trở nên thanh tịnh. Khi tâm trở nên thanh tịnh rồi, thì chẳng còn bị các khách trần từ bên ngoài làm nhiễm ô nữa.

* Quán Pháp Niệm Xứ:

Bồ tát quán hết thảy pháp chẳng phải ở trong, chẳng phải ở ngoài, chẳng phải ở chặng giữa, chẳng có trong 3 đời, mà chỉ theo các nhân duyên hòa hợp sanh, nên tướng của pháp là bất khả đắc. Các pháp đều là như huyễn, hư vọng. Tánh của các pháp vốn là thanh tịnh, chẳng có nhiễm ô. Lại nữa, pháp chẳng có thể biết được, chỉ do các tâm và các tâm sở pháp mà vọng chấp có tâm vậy.

Bồ tát quán các pháp đều là Không, là vô ngã, do các

nhân duyên hòa hợp sanh. Vì là tự tánh Không nên là vô tướng, vì là vô tướng nên là vô tác. Bồ tát quán như vậy nên chẳng thấy có “pháp”, được Thật Trí Huệ vào được Vô Sanh Pháp Nhãn.

Người trí, tùy thuận các pháp tướng là Không, niệm thân, thọ, tâm, pháp mà chẳng chấp có niệm, nên được Vô Sở Niệm vậy.

2. Tu 4 Chánh Căn

Cũng như tu 4 Niệm Xứ, Bồ tát phân biệt quán Không, quán Vô Sở Hữu.

3. Tu 4 Như Ý Túc

(Như tu 4 Niệm Xứ và 4 Chánh Căn)

4. Tu 5 Căn

* Tu Tín Căn

Bồ tát tin hết thấy pháp đều do nhân duyên hòa hợp sanh, mà phạm phu do điên đảo chấp, cho là các pháp đều thật có vậy.

Bồ tát lại tin hết thấy các pháp đều là vô thường, là khổ, là không, là biến hoại, lại tin hết thấy các pháp là Không nên là vô tướng, là vô tác, là bất sanh bất diệt.

Do tin hết thấy các pháp là Không, là vô tướng, là vô tác nên tinh tấn tu trì giới, thiền định, trí huệ, được giải thoát, giải thoát tri kiến, được tin căn thanh tịnh. Được tin căn thanh tịnh rồi, Bồ tát dùng tín căn làm dẫn đạo, trú trì trong giới pháp, nhất tâm tin nơi nghiệp quả báo, khởi thọ pháp Phật, tin kính chúng tăng, trú trong Phật Đạo, thành tựu được tâm nhu nhuyễn, nhĩn nhục, thông đạt vô ngại.

Như vậy gọi là được đầy đủ Tín Căn.

* Tu Tấn Căn

Bồ tát ngày đêm thường tinh tấn trừ 5 cái, nhiếp hộ 5 căn, nghe kinh pháp, đọc tụng, viết chép kinh pháp, xa lìa các pháp bất thiện, siêng năng tinh tấn hành Đạo, được Chánh Tinh tấn thiện căn.

Như vậy gọi là được đầy đủ Tấn Căn.

* Tu Niệm Căn

Bồ tát thường nhất tâm niệm muốn được đầy đủ 6 pháp Ba-la-mật, thường nhất tâm niệm 4 Thánh Đế, 5 Căn, 5 Lực, 7 Giác Chi, 8 Thánh Đạo, Thiền định, Giải thoát, lại thường nhất tâm niệm các pháp bất sanh bất diệt.

Bồ tát niệm như vậy, được Vô Sanh Trí, đầy đủ các pháp thậm thâm, được thanh tịnh quán hạnh, chẳng quên các pháp.

Như vậy gọi là được đầy đủ Niệm Căn.

* Tu Định Căn

Bồ tát khéo biết vào định, trú định và sanh định. Bồ tát ở trong định mà chẳng sanh đắm chấp định vị, khéo biết chỗ duyên, nên tự tại dạo chơi trong các cảnh thiền định, xuất nhập các thiền định một cách vô ngại, tự tại.

Như vậy gọi là được đầy đủ Định Căn.

* Tu Huệ Căn

Bồ tát biết rõ Khô và Tập Thánh Đế, thành tựu trí huệ, ly các pháp Niết bàn, ở trong 3 cõi mà chẳng có đắm chấp, vì biết rõ 3 cõi đều là vô tướng, vô tác, lại thường ở trong 3 Giải Thoát Môn cần cầu Phật pháp, được trí huệ giải thoát lại thường ở trong chốn dục lạc mà tâm thường ly 5 dục, được trí huệ tự tại. Bởi vậy nên Bồ tát ở trong thế

gian mà chẳng sanh ưu phiền, ở trong Niết bàn mà cũng chẳng sanh hoan hỷ.

Như vậy gọi là được đầy đủ Huệ Căn.

-o0o-

Bồ tát đầy đủ 5 Căn rồi, khéo biết tướng của các căn của các chúng sanh: Biết những chúng sanh có nhiễm dục căn, có sân nhuế căn, có ly sân nhuế căn, có ngu si căn, có ly ngu si căn, lại biết có những chúng sanh sẽ phải đọa vào địa ngục hoặc sẽ sanh làm nạ quý, làm súc sanh, hoặc sẽ sanh làm người, làm Trời, lại biết có những chúng sanh có lợi căn, có độn căn, có tội căn, có vô tội căn; lại biết có những chúng sanh sanh cõi Dục, cõi Sắc, cõi vô Sắc; lại biết những chúng sanh có thiện căn dày, hoặc có thiện căn mỏng; lại biết có những chúng sanh có tâm xả hoặc tâm bất định, hoặc có tâm xan tham, hoặc có tâm bố thí, hoặc có tâm sân nhuế, hoặc có tâm nhẫn nhục; lại biết những chúng sanh biết cung kính Tam bảo, hoặc không biết cung kính Tam bảo; lại biết những chúng sanh trì giới tịnh hoặc phá giới, lại biết những chúng sanh tinh tấn hoặc giải đãi, lại biết những chúng sanh ngu si hoặc có trí huệ, những chúng sanh biết sợ hoặc không biết sợ, những chúng sanh tăng thượng mạn, hoặc không tăng thượng mạn, những chúng sanh đọa về tà đạo, hoặc không đọa về tà đạo v.v...

Bồ tát tu đầy đủ 5 Căn như vậy, nên phá sạch hết thảy phiền não, thệ nguyện độ hết thảy chúng sanh.

5. Tu 5 Lực

Bồ tát tu 5 Căn đầy đủ, được Vô Sanh Pháp Nhãn. Lúc bấy giờ 5 Căn trở thành 5 Lực, khiến các hàng Thiên Ma chẳng còn có thể phá hoại tâm Bồ tát được nữa.

6. Tu 7 Giác Chi

Bồ tát ở nơi hết thấy các pháp đều chẳng khởi niệm nên được thanh tịnh Niệm Giác Chi. Vì sao? Vì hết thấy các pháp, dù là thiện, dù là bất thiện, dù là vô ký cũng đều là bất khả đắc cả.

Bồ tát thấy rõ các pháp đều là bất khả đắc nên được thanh tịnh Trạch Giác Chi.

Bồ tát chẳng vào trong 3 cõi, phá hết thấy các giới tướng nên được thanh tịnh Tinh tấn Giác Chi.

Bồ tát ở nơi hết thấy các pháp, thường định, chẳng có loạn, nên được thanh tịnh Định Giác Chi.

Lại nữa, Bồ tát ở nơi hết thấy các pháp, đều chẳng có y chỉ, nên được thanh tịnh Xả Giác Chi.

Tóm lại, Bồ tát ở nơi 7 Giác Chi đều quán Không. Như vậy, gọi là được đầy đủ 7 Giác Chi.

-o0o-

Sở dĩ chỉ lược nói về 7 Giác Chi này, vì trước đã luận giải nhiều về các hạnh Tinh tấn, Niệm, Định và Huệ rồi.

Do quán Thật Trí Huệ mà được Chân Hỷ. Được Chân Hỷ do trước đã trừ hết các thô tâm, và sau trừ hết thấy các pháp tướng, nên được Chân Tâm, khoái lạc.

Như vậy là có Trừ Giác Chi rồi mới có được Hỷ Giác Chi.

Lại nữa, khi quán Vô thường, Khổ, Không, Vô ngã, quán sanh diệt, quán bất sanh diệt, quán có (hữu), quán không (vô), quán chẳng phải có (phi hữu), quán chẳng phải không (phi vô) thì phải tu hạnh xả. Như vậy là được Xả Giác Chi.

7. Tu 8 Thánh Đạo

* Tu Chánh Kiến:

Bồ tát ở nơi hết thấy các pháp đều chẳng có trú, tức là trú nơi Vô Sở Trú vậy. Như vậy gọi là được đầy đủ Chánh Kiến.

* Tu Chánh Tư duy:

Bồ tát quán tướng của Tư duy, rõ biết hết thấy tướng tư duy đều là tà, nên đoạn được hết thấy tướng tư duy phân biệt. Như vậy gọi là được Chánh Tư duy.

Bồ tát chánh tư duy như vậy chẳng còn phân biệt chánh và tà, vì quán hết thấy các pháp đều bình đẳng, nên chẳng còn sanh tâm chấp đắm.

* Tu Chánh Ngữ:

Bồ tát suy nghĩ: “Lời nói tự nó chẳng có tướng. Khi hết thấy nghiệp khẩu đã diệt rồi, thì mới là Thật Tướng của ngôn ngữ”.

Như vậy gọi là được đầy đủ Chánh Ngữ.

Bồ tát có thật ngữ, nên mỗi khi nói năng đều trú trong Thật Tướng. Trong kinh có nói: “Bồ tát trú trong Chánh Ngữ, thường giữ nghiệp khẩu thanh tịnh. Bồ tát biết rõ Thật Tướng của ngôn ngữ, nên tuy có nói năng, mà chẳng hề đọa về tà ngữ”.

* Tu Chánh Nghiệp:

Bồ tát tu Chánh Nghiệp rõ biết hết thấy các nghiệp đều bất khả đắc.

Hỏi: Nếu nói “Nghiệp là Không”, thì vì sao Phật có thuyết về thiện nghiệp, về ác nghiệp?

Đáp: Đây là tùy theo căn trí của chúng sanh mà Phật

phương tiện nói như vậy. Ở nơi Thật Tướng, hết thảy các nghiệp thiện và ác đều là tự tướng Không cả.

Hỏi: Nếu nói “chẳng có 3 đời” thì làm sao có chỗ thọ nghiệp?

Đáp: Tướng quá khứ, tướng hiện tại, tướng vị lai đều là bất khả đắc cả. Bởi vậy nên ở nơi một thời chẳng có chỗ thọ nghiệp.

Bồ tát quán hết thảy các nghiệp đều bình đẳng vô sai biệt, chẳng chấp Chánh Nghiệp là thiện, cũng chẳng chấp tà nghiệp là ác, chẳng chấp có hành Chánh Nghiệp, không hành tà nghiệp. Như vậy nên được Thật Trí Huệ, gọi là được Chánh Nghiệp. Vì sao? Vì trong Bình Đẳng Pháp chẳng có chánh, có tà. Biết như vậy mới thật là như thật biết về các nghiệp.

Vì như thật biết các nghiệp, nên người trí chẳng có tạo nghiệp, cũng chẳng bỏ nghiệp, thường ở trong Chánh Nghiệp, chẳng có tà nghiệp. Như vậy gọi là đầy đủ Chánh Nghiệp.

* Tu Chánh Mạng:

Bồ tát trú nơi Thật Trí Huệ, chẳng chấp Chánh Mạng, cũng chẳng xả tà mạng, chẳng chấp Chánh pháp, cũng chẳng trú tà pháp.

Bồ tát thường trú trong thanh tịnh Thật Trí Huệ, nhập vào Bồ tát vị, chẳng thấy có Chánh Mạng, cũng chẳng thấy có tà mạng.

Bồ tát hành thật trí huệ như vậy, nên gọi là có Chánh Mạng.

* Tu Chánh Tinh tấn

* Tu Chánh Niệm

* Tu Chánh Định

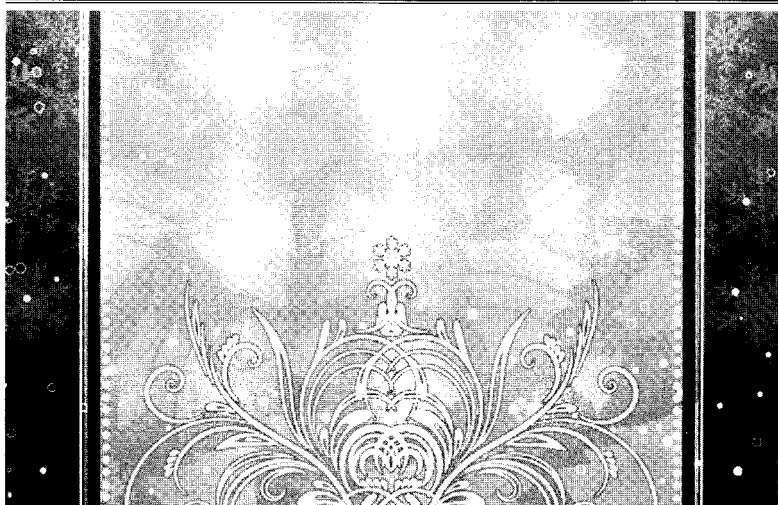
Đã nói trước đây rồi

Như vậy là Bồ tát tu 37 Phẩm Trợ Đạo hơn hết thấy hành Thanh Văn và Bích Chi Phật, vào Bồ tát vị lần lần được Nhất thiết chủng trí.

(Hết quyển 19)



LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ
Quyển 20



Phẩm Thứ Nhất (TIẾP THEO)



Ba Tam Muội: Không, Vô Tướng, Vô Tác - Bốn Thiên - Bốn Vô Lượng Tâm - Bốn Vô Sắc Định - Tám Bối Xả - Tám Thắng Xứ - Chín Thứ Đệ Định - Mười Nhất Thế Nhập.

KINH:

Cũng được đầy đủ 3 Giải Thoát Môn “Không, Vô Tướng, Vô Tác”, đầy đủ 4 Thiên, 4 Vô Lượng Tâm, 4 Vô Sắc Định, 8 Bối Xả, 8 Thắng Xứ, 9 Thứ Đệ Định, 10 Nhất Thế Nhập.

LUẬN:

Hỏi: Vì sao sau khi nói 37 Phẩm Trợ Đạo rồi, mới nói đến các pháp này?

Đáp: 37 Phẩm Trợ Đạo dẫn đường đến Niết bàn. Thế nhưng, muốn vào Niết bàn, hành giả phải vào 3 cửa Không, Vô tướng và Vô tác; lại phải lần lượt trú nơi 4 Thiên. Vì sao? Vì Thiên định là chìa khóa khai mở tâm ở cõi Dục, là diệu pháp giúp hành giả kiện toàn 37 Phẩm Trợ Đạo.

Sau đó, hành giả lại phải y nơi các thiên định cõi Sắc (Sắc Định) và các Thiên định cõi Vô Sắc (Vô Sắc Định) mới vào được 4 Vô Lượng Tâm, 8 Bối Xả, 9 Thứ Đệ Định và 10 Nhất Thế Nhập.

Lúc bấy giờ, tâm mới được nhu nhuyễn, tự tại, tùy ý ra vào các cõi, để cứu độ chúng sanh. Ví như người cỡi ngựa trận phải tập dượt thuần thục, lại phải điều ngựa theo ý mình, rồi mới xông pha vào trận mạc được.

I. 3 Tam Muội: Không, Vô Tướng, và Vô Tác

Không Tam Muội, Vô tướng Tam Muội và Vô tác Tam Muội là 3 cửa dẫn vào Niết bàn.

Bởi vậy nên 3 Tam Muội này còn được gọi là 3 Niết bàn Môn hay 3 Giải Thoát Môn.

Hỏi: *Thế nào gọi là Không Môn?*

Đáp: Các pháp do duyên hòa hợp sanh, chẳng do ai làm ra, chẳng có tự ngã, là tự tánh không, tự tướng KHÔNG, dẫn đến Niết bàn cũng là như vậy.

Hành giả quán các pháp do duyên sanh, nên chỉ là hư vọng, chỉ là giả danh, chẳng thật có. Như vậy gọi là không Môn.

Hỏi: *Thế nào gọi là Vô Tướng Môn?*

Đáp: Các pháp do duyên hòa hợp sanh, chỉ là giả danh, chỉ là giả tướng. Thế nhưng, phàm phu điên đảo chấp các giả tướng ấy là thật có, rồi khởi chấp có ngã, có ngã sở. Tất cả các tướng ấy đều là bất khả đắc, đều là vô tướng cả.

Do nghiệp cảm nhân duyên đời trước mà có thức, có danh sắc, có 6 nhập, hình thành sắc thân ở đời này. Lại do duyên 6 nội nhập và 6 ngoại nhập hòa hợp, mà có ra các tướng nói năng, đi đứng, nằm ngồi, tốt xấu, thương ghét, cũng như có các tướng nam, tướng nữ v.v... Tất cả các tướng ấy đều bất khả đắc cả. Lại nữa, thân do 4 Đại tạo sắc duyên hợp tạo thành, nhưng lại thường xuyên trao đổi với 4 Đại bên ngoài qua hơi thở, qua sự ăn uống, qua sự bài tiết... khiến thân được nuôi dưỡng và tương tục tăng trưởng. Như vậy chẳng có gì là thật ngã, chẳng có gì là thật ngã sở cả.

Lại nữa, phải có đủ đầu, mặt, chân tay, da, thịt xương, gân,

tủy, não... mới được gọi là thân. Nếu đem tách rời từng bộ phận riêng rẽ mà muốn tìm thân, thì thân là bất khả đắc vậy.

Thân đã là bất khả đắc thì tất cả các tướng, như đã nêu trên đây cũng đều là bất khả đắc cả. Như vậy gọi là Vô Tướng Môn.

Như bài kệ thuyết:

*Ngưỡng lên cúi xuống,
Đi đứng nằm ngồi,
Nói năng nhìn ngó,
Thảy đều không thật.
Do phóng ý thức,
Phân biệt nam nữ
Hiện khởi các tướng,
Liên sanh liền diệt.
Người không trí huệ,
Vọng tâm điên đảo,
Khởi sanh chấp ngã,
Chẳng rõ thân này.
Xương gân nối liền,
Da thịt bao che.
Ví như người máy,
Giả tạo cử động,
Tuy chẳng phải thật,
Vọng tưởng là thật.
Ví như vàng nóng,
Thả vào nước lạnh.
Ví như rừng tre,*

*Trong cơn hỏa hoạn,
Do duyên hòa hợp,
Phát ra tiếng nổ.*

Hỏi: *Thế nào gọi là Vô Tác Môn?*

Đáp: Do các pháp đều là Không, đều là Vô Tướng, nên cũng đều là Vô Tác. Như vậy gọi là Vô Tác Môn.

Hỏi: *Muốn vào cả 3 môn này, hành giả đều phải dùng trí huệ quán. Như vậy vì sao lại gọi 3 môn này là Tam Muội?*

Đáp: Tuy rằng phải dùng trí huệ quán mới vào được ba môn này, thế nhưng nếu chẳng trú trong định thì sẽ bị rơi về tà nghi vậy. Trái lại nếu thường trú trong định thì sẽ phá sạch hết các phiền não, rõ được Thật Tướng các pháp.

Bởi nhân duyên vậy, nên gọi 3 môn này là Tam Muội. Nếu chẳng thường ở trong định thì chẳng có thể vào được 3 môn này. Vì sao? Vì sẽ bị chìm đắm trong sanh tử. Như bài kệ thuyết:

*Sa môn Tỷ-kheo,
Thường trì tịnh giới,
Thường quán pháp Không,
Thường trú trong định.
Chân thật hành Đạo,
Phải thường nhất tâm,
Siêng năng tinh tấn,
Hành các pháp thiện,
Đoạn các pháp ác,
Diệt các pháp si.*

*Xả chấp năm ám,
Hướng về Đạo Pháp,
Đến chỗ thường lạc,
Giải thoát Niết bàn,
Được lạc bậc nhất,
Trong tất cả lạc.*

Bởi nhân duyên vậy, nên 3 Tam Muội Không, Vô Tướng và Vô Tác cũng được gọi là 3 Niết bàn Môn, hay là 3 Giải Thoát Môn.

Hỏi: *Vì sao gọi 3 Tam Muội này là 3 Giải Thoát Môn?*

Đáp: Vì người tu 3 Tam Muội này sẽ vào được Vô Dư Niết bàn, là được Chân Giải thoát vậy.

Tu 3 Tam Muội này khiến thân tâm được giải thoát hết thảy các khổ, vì 3 Tam Muội này là nhân của Niết bàn. Đây nói về nhân trong quả, vì người được 3 Tam Muội này thì sẽ có định lực, có tâm tương ưng pháp. Vì thân nghiệp và khẩu nghiệp đều đã được hòa hợp với các thiện hạnh, nên dù có khởi tâm bất tương ưng pháp, cũng thường trú trong Tam Muội.

Tam Muội ví như ông vua, trí huệ ví như các quan đại thần. Vì sao? Vì định lực chẳng phải duyên sanh cùng với các pháp, mà chỉ cộng sanh, cộng trú, cộng diệt, cộng hành nhằm tạo ra các pháp lợi ích cho chúng sanh.

-o0o-

Hành giả lần lượt tu các hạnh quán:

- Quán 5 âm đều là Không, là tự tướng Không nên vào được Không Tam Muội.

- Quán Ngã và Ngã Sở đều là bất khả đắc, nên được vào Vô Tướng Tam Muội.

- Quán 4 hạnh Niết bàn khiến các khổ, các phiền não cùng 3 độc tham, sân, si đều tận diệt. Quán như vậy sẽ được hết thấy các diệu pháp, ly hết thấy các pháp thế gian, nên vào được Vô tác Tam Muội.

Lại quán 10 hạnh, biết rõ 5 ấm do duyên sanh đều là vô thường, là khổ. Lại quán 4 hạnh, biết rõ 5 thọ là phiền não, là nghiệp hữu lậu, hòa hợp sanh ra các khổ (Tập đế). Lại quán 6 nhân và 4 duyên sanh ra các quả khổ (Nhân duyên). Lại quán 4 Chánh Cần và 8 Thánh Đạo, nhằm xa lìa 5 thọ, dẫn đến Niết bàn. Quán như vậy nên chẳng còn điên đảo, vào được nơi Chánh đạo.

Các bậc thánh hiền đã xa lìa Ái Kiết phiền não nên vào được 3 Giải Thoát Môn.

Ở Đệ Cửu Địa tuy chưa rõ ráo được Thật Tướng các pháp, nhưng vì đã diệt được các khổ, lại đã đạt đến chỗ hành xử chân thật, nên cũng vào được pháp Không.

Hỏi: *Nói pháp Không là đủ rồi. Sao còn nói Tự tánh Không, Tự Tướng Không làm gì nữa?*

Đáp: Để tránh sự hiểu lầm về nghĩa Không, nên nói đến Tự tánh Không, Tự Tướng Không của các pháp.

Người quán pháp Không biết rõ các pháp thế gian đều chẳng thật có, đều là như mộng, như huyễn, đều là Tự tánh Không, Tự Tướng Không vậy.

Người quán Không nếu còn chấp tướng Không, thì sẽ duyên khởi sanh tâm kiêu mạn, sẽ vẫn còn kiết sử vậy. Cho nên phải quán Vô Tướng để diệt các chấp về tướng Không.

Lại nữa, nếu ở nơi vô tướng mà còn sanh hý luận phân biệt, thì vẫn còn chấp tướng Vô Tướng. Như vậy là còn “Hữu Sở Tác”. Cho nên lại còn phải quán Vô Tác. Muốn được vậy phải tận diệt 3 độc, không còn khởi các nghiệp thân, khẩu, ý nữa. Tư duy như vậy mới nhập được vào Vô Tác Giải Thoát Môn.

-o0o-

Trong kinh nói 3 Giải Thoát Môn chỉ là 1 pháp, nhưng tùy theo các duyên tu hành mà phân ra làm 3 pháp.

- Quán các pháp Không và tu Không Giải Thoát Môn.

- Ở trong Không mà chẳng chấp tướng Không, là tu Vô Tướng Giải Thoát Môn.

- Ở trong Vô Tướng mà chẳng có Sở Tác là tu Vô Tác Giải Thoát Môn.

Ví như vào thành Niết bàn có 3 cửa. Ở một thời chẳng có thể vào 3 cửa. Sau khi vào cửa Không rồi, chẳng nên vội chấp Không mà phải đi thẳng vào chỗ nhập sự, biện lý. Thật vậy, nếu vào cửa Không rồi mà chấp tướng Không thì liền bị chặn lại nơi cửa Không. Phải chẳng còn chấp tướng Không nữa mới vào được cửa thứ hai, là cửa Vô Tướng. Lại nữa, nếu ở nơi Vô Tướng mà tâm còn sanh chấp tướng Vô Tướng, thì cũng còn là hý luận, nên liền bị chặn lại nơi cửa Vô Tướng. Bởi vậy lại phải bỏ luôn cả chấp về Vô Tướng, mới được vào cửa thứ ba là cửa Vô Tác vậy.

-o0o-

Trong A Tỳ Đàm có giải rõ như sau:

- Không Giải Thoát Môn thường duyên Khổ Đế, cho nên phải nhiếp 5 âm, mới vào được cửa này.

- Vô Tướng Giải Thoát Môn duyên Đệ Nhất Pháp, cho nên lại phải ly các duyên pháp mới vào được cửa này.

- Vô Tác Giải Thoát Môn thường duyên cả 3 Đế là Tục Đế, Chân Đế và Diệu Đế, cho nên phải nhiếp 5 âm, mới vào được cửa này.

Kinh Đại thừa Ma Ha Diễn nói: “Ba Giải Thoát Môn duyên Thật Tướng các pháp”. Dùng 3 Giải Thoát Môn quán “Thế gian tức Niết bàn”. Vì sao? Vì thế gian cũng như Niết bàn đều là Không, là Vô Tướng, là Vô Tác vậy.

Hỏi: Kinh Niết bàn chỉ nói đến một môn. Sao ở đây lại nói đến 3 môn?

Đáp: Trước đây đã nói rõ rằng “Pháp tuy có 1 mà nghĩa có 3”. Ngoài ra, tùy theo 3 hạng người mà nói 3 môn sai khác:

- Đối với hạng người có kiến chấp nhiều, thì phải vì họ nói Không Giải Thoát Môn, để họ thấy rõ hết thấy các pháp đều do duyên sanh, chẳng có Tự Tánh, chẳng có Tự Tướng, nên đều là Không.

Khi họ đã vào được cửa Không rồi, thì tất cả các chấp đều tự tiêu diệt.

- Đối với hạng người có ái chấp nhiều, thì phải vì họ nói Vô Tác Giải Thoát Môn.

Khi họ đã thấy rõ các pháp đều vô thường, đều khổ, đều theo duyên sanh, chẳng thật có thì họ sẽ nhàm chán ái chấp, vào được Đạo.

- Đối với hạng người có vừa kiến chấp, vừa có ái chấp nhiều, thì phải vì họ nói Vô Tướng Giải Thoát Môn.

Khi họ đã biết rõ các tướng đều là Không, chẳng có các tướng phân biệt, như tướng nam, tướng nữ v.v... thì họ sẽ đoạn được cả ái chấp lẫn kiến chấp.

Bởi nhân duyên vậy, nên Phật tùy duyên nói pháp. Có lúc Phật nói 1 môn, có lúc nói 2 môn, có lúc nói 3 môn v.v...

Bồ tát phải học hết thầy các Đạo, nhằm dẫn dắt chúng sanh, cho nên tu học hết cả 3 Giải Thoát Môn.

II) 4 Thiên

Hỏi: 4 Thiên gồm những gì? Ý nghĩa ra sao?

Đáp: 4 Thiên gồm có:

- Sơ Thiên.
- Đệ Nhị Thiên.
- Đệ Tam Thiên.
- Đệ Tứ Thiên.

Thiên có 2 thứ. Đó là: Tịnh Thiên và Vô lậu Thiên.

Tịnh Thiên là hữu lậu, vì còn duyên 5 ấm hữu lậu.

Trái lại, ở nơi Vô lậu Thiên, thì 5 ấm trở thành vô lậu. Vì sao? Vì nhiếp tâm ở nơi Đệ Tứ Thiên, hành giả mới vào Vô lậu Thiên. Ở nơi đây, hành giả rõ biết “thân và khẩu nghiệp đều là sắc pháp”; lại rõ biết dư tàn của tâm là vô sắc pháp, chẳng nhiếp về vô lậu và hữu lậu.

Khi tu Hữu lậu Thiên thì 5 ấm còn hữu lậu. Khi tu Vô Lậu Thiên thì 5 ấm trở thành vô lậu. Tất cả vẫn còn là hữu vi pháp.

Người tu Hữu lậu Thiên nhiếp tâm nơi Sắc Giới Kế. Người tu Vô lậu Thiên không còn nhiếp tâm nơi Sắc Giới Kế nữa, mà nhiếp tâm nơi Định Thiên, quán nghiệp thân và

ngiệp khẩu đều là tâm bất tương ưng hành pháp, chẳng phải là tâm tương ưng hành pháp, cũng chẳng phải là tâm sở pháp.

Người tu Vô lậu Thiên chỉ nhiếp tâm nơi Thọ Thiên, Thọ Chung, Tướng Chung và Tương Ưng Hành Chung. Do vì tâm sở pháp cùng với tâm tương ưng pháp đều nhiếp nơi Thiên, nên cũng nhiếp được ý thức. Nơi Đệ Tứ Thiên, hoặc có tâm hành mà chẳng thọ các tương ưng hành, hoặc có thọ các tương ưng hành mà chẳng tùy tâm hành. Tất cả đều có nói rõ trong A Tỳ Đàm.

-o0o-

Bồ tát được Định Thiên, dùng các phương tiện thiện xảo độ chúng sanh.

Hỏi: *Bát nhã Ba-la-mật chỉ nói về pháp Không. Bồ tát làm sao ở trong Không mà khởi được các Thiên định?*

Đáp: Bồ tát rõ biết các pháp do duyên sanh đều là Vô Tự Tánh, Vô Sở Hữu nên rất dễ xả, chẳng hề đắm Thiên lạc.

Trái lại, chúng sanh do chấp tâm, nên rất khó xả tâm diệu lạc nơi Thiên vị.

Bởi vậy nên Bồ tát khởi tâm đại bi, dạy chúng sanh tu Thiên định:

- Ly được 5 dục, trừ được 5 cái, là được hỷ lạc vào Sơ Thiên.
- Diệt giác quán, nhiếp tâm thanh tịnh, được vi diệu hỷ, nhập Đệ Nhị Thiên.
- Ly hết thấy hỷ, được viên mãn lạc, nhập Đệ Tam Thiên.
- Ly hết thấy khổ lạc, trừ hết thấy ưu hỷ, không cả hơi thở ra vào, dùng xả niệm thanh tịnh vi diệu để tự trang nghiêm,

nhập Đệ Tứ Thiên.

Bồ tát biết hết thấy các pháp đều là Không, Vô Tướng, Vô Tác, nhưng vì chúng sanh không hay biết, nên phải phương tiện dùng các pháp thiện để giáo hóa họ.

Nếu còn chấp có pháp Không, thì cũng phải xả chấp Không đó. Như vậy mới được Thiên Vô Xả, Vô Đắc. Vì sao? Vì tướng của pháp Không cũng là bất khả đắc.

Bồ tát khi hành Thiên, chẳng có ai chấp thiên tướng. Cũng như người bệnh nặng mong được chóng lành bệnh mà uống thuốc; người tu hành muốn được trì giới thanh tịnh, muốn được trí huệ sáng suốt mà hành thiên định vậy.

Bồ tát dùng pháp quán Không để trừ 5 dục điên đảo, mà chẳng hề chấp Không, giống như người dùng độc để trị độc, mà chẳng để cho chất độc nhiễm vào mình vậy.

III) 4 Vô Lượng Tâm

Hỏi: 4 Vô Lượng Tâm gồm những gì? Ý nghĩa ra sao?

Đáp: 4 Vô Lượng Tâm là 4 đức vô lượng mà Phật và Bồ tát thường hành để làm lợi ích cho vô lượng chúng sanh, đem lại sự an lạc và độ họ ra khỏi các khổ não, hoạn nạn.

4 Vô Lượng Tâm gồm có:

- Từ Vô Lượng Tâm.
- Bi Vô Lượng Tâm.
- Hỷ Vô Lượng Tâm.
- Xả Vô Lượng Tâm.

* Từ Tâm: Là tâm thương yêu chúng sanh, sẵn sàng giúp đỡ họ, đem lại lợi ích và sự an vui cho mọi chúng sanh, không phân biệt kẻ oán người thân, kẻ nghèo người giàu v.v...

Từ Vô Lượng Tâm có sức mạnh vô cùng tận, trừ được các tâm sân nhuế nơi chúng sanh, chế phục được những chúng sanh cực kỳ ác độc, hướng họ vào đường thiện.

* **Bi Tâm:** Là tâm thương xót chúng sanh đau khổ, sẵn sàng cứu vớt họ ra khỏi cảnh khổ đau.

Bi Vô Lượng Tâm có sức mạnh vô cùng tận, giúp người tu hành vượt mọi khó khăn, thử thách trên bước đường hành Đạo. Như vậy mà người tu hành có thể bỏ thí những thứ khó bỏ thí, nhẫn những điều khó nhẫn, làm những việc khó làm, nhằm cứu khổ cứu nạn cho chúng sanh.

* **Hỷ Tâm:** Là tâm vui mừng trước những phước lợi của chúng sanh, vui mừng thấy chúng sanh tinh tấn tu hành thăng tiến trên bước đường giải thoát, giác ngộ.

Hỷ Vô Lượng Tâm có sức mạnh vô cùng tận, khiến dứt được các nỗi lo buồn, ưu bi khổ não của chúng sanh.

* **Xả Tâm:** Là tâm thí xả, sẵn sàng tha thứ cho tất cả những ai đến nhục mạ, mắng nhiếc mình, đến xúc phạm tài sản cũng như tánh mạng của mình; sẵn sàng xả bỏ tài sản cũng như sanh mạng của mình, nhằm đem lại sự an vui, lợi lạc cho chúng sanh.

Xả Vô Lượng Tâm có sức mạnh vô cùng tận, khiến người tu hành giữ được tâm bình đẳng, đối với mọi chúng sanh, không phân biệt đối xử, thương ghét... ; lại dứt trừ được lòng tham dục, sân nhuế... nơi chúng sanh.

Hỏi: 4 đức Từ, Bi, Hỷ, Xả đã được nói nhiều trong kinh rồi. Nay còn nói thêm 4 Vô Lượng Tâm làm gì nữa?

Đáp: Vì muốn chúng sanh thấy rõ 4 Vô Lượng Tâm là pháp bảo, đem lại phước đức lớn vậy.

Thế nhưng, phải tùy đối tượng chúng sanh, mà phương tiện nói pháp thích hợp với căn tánh của họ. Ví như:

- Đối với người bị sắc trói buộc, nhưng đã có ý nhàm chán sắc, thì nên vì họ nói “4 Vô Sắc Định”.
- Đối với người ở trong duyên chẳng được tự tại, tùy ý quán sở duyên, thì nên vì họ nói “8 Thắng Xứ”.
- Đối với những người ở trong Đạo chẳng được thông suốt, thì nên vì họ nói “8 Bối Xả”.
- Đối với người tâm chẳng được điều hòa nhu nhuyễn, thì nên vì họ nói “9 Thứ Đệ Định”, dạy họ nhập Thiền định.
- Đối với người chẳng được Nhất Thế Duyên, chỉ tùy ý giải, thì nên vì họ nói “10 Nhất Thế Nhập”.

-o0o-

Nếu thường ái niệm chúng sanh khắp 10 phương, muốn thấy họ được an vui, thì phải khởi Từ Tâm.

Từ Tâm tương ưng với Thọ, Tướng, Hành và Thức, duyên khởi nơi thân và khẩu, tác thành những hạnh từ.

Từ Tâm pháp có sức mạnh vô cùng, duyên khởi các nghiệp thiện ở đời sau. Ở nơi cõi Sắc, từ tâm pháp, dù là hữu lậu, dù là vô lậu, cũng làm căn bản cho các thiện, làm trung gian cho các thiện. Từ tâm tương ưng với bi tâm, hỷ tâm và xả tâm, nên trừ được tận gốc các ưu bi, khổ não của chúng sanh.

Trong A Tỳ Đàm có nói: “Khi chúng sanh còn chấp tướng là còn tâm hữu lậu; khi vào được Thật Tướng các pháp rồi mới có được tâm vô lậu”.

Khi Bồ tát Vô Tận Ý hỏi Phật: “Bạch Thế Tôn! Có bao nhiêu thứ duyên”. Phật dạy: “Có 3 thứ duyên. Đó là Duyên chúng sanh, duyên pháp và vô duyên”.

* Duyên chúng sanh.

Phật dạy rằng: “Này các Tỳ-kheo, từ tâm rộng lớn, vô lượng, vô biên. Người khéo tu là người mở rộng từ tâm đối với hết thảy muôn loài chúng sanh trong khắp 10 phương thế giới. Bi, Hỷ, Xả cũng là như vậy”.

Từ tâm trừ được sân hận, xan tham, phiền não. Ví như ngọc Ma Ni để vào nước đục, khiến nước trở thành trong; người có từ tâm xa lìa được 3 độc tham, sân, si, cho nên dù gặp người đến mắng nhiếc, đánh đập v.v... cũng vẫn giữ tâm bình thản, chẳng có sân hận.

Từ là duyên sanh lạc, cho nên người vào được Từ Tâm Tam Muội, liền trừ được các khổ và liền được an vui.

Người nhất tâm cầu Từ Tam Muội được tâm từ rộng lớn, vô lượng, duyên khắp chúng sanh, phá tan oán tặc, phiền não.

Trái lại người có tâm nhỏ hẹp thường chấp các việc nhỏ, để rồi sanh tâm sân hận, ảo não.

Người có tâm rộng lớn là người tin nơi quả báo phước lạc, là người mong cầu Niết bàn thanh tịnh, thường tu tịnh giới.

Người có tâm rộng lớn có trí huệ rộng lớn, có thể biết hết thảy chúng sanh, mà chẳng sanh tâm phân biệt đối xử, lại từ niệm hết thảy chúng sanh, xem hết thảy chúng sanh như cha, mẹ, anh, chị em, thân bằng quyến thuộc của mình, muốn cho hết thảy chúng sanh được an vui.

Như vậy gọi là “Duyên chúng sanh”.

* Duyên pháp.

Do từ niệm hết thấy chúng sanh ở khắp 10 phương, muốn thấy họ được an vui, mà phá trừ được chấp ngã. Vì sao? Vì do 5 ấm hòa hợp Duyên khởi, mới có ngã tương tục sanh, nhưng ngã cũng như 5 ấm đều là tự tướng Không, tự tánh Không cả.

Bởi nhân duyên vậy, nên người có tâm từ thường nhất tâm từ niệm chúng sanh, thương xót chúng sanh, muốn chúng sanh được an lạc, để rồi tùy theo niệm khởi của chúng sanh, mà hiển bày các thiện pháp, nhằm đem lại sự an lạc cho họ.

Như vậy gọi là “Duyên pháp”.

* Vô duyên.

Tâm Phật chẳng trú ở hữu vi, chẳng trú ở vô vi, chẳng y nơi 3 đời. Vì sao? Vì biết rõ các duyên đều là hư dối, là điên đảo, là chẳng thật có.

Chúng sanh vì chẳng rõ được Thật Tướng các pháp nên mới qua lại trong các nẻo đường sanh tử, luân hồi; vì thường khởi tâm chấp phân biệt nên mới có thù, có xả.

Trái lại, chư Phật có Thật Trí huệ, thường ở nơi Thật Tướng pháp, thường duyên chúng sanh, thường duyên pháp mà vẫn chẳng thấy có chúng sanh, chẳng thấy có pháp.

Như vậy gọi là “Vô duyên”.

Bi tâm, Hỷ tâm, Xả tâm cũng như vậy cả.

-o0o-

Hỏi: *Chúng sanh ở trong năm đạo đều có sự phân biệt. Như vậy vì sao nói “Dùng Từ quán có thể khiến cho hết thấy*

chúng sanh đều thọ lạc; dùng Bi quán có thể khiến cho hết thấy chúng sanh hết thọ khổ”?

Đáp: Bồ tát tu Từ Vô Lượng Tâm, phát đại thệ nguyện, nguyện hết thấy chúng sanh được thọ lạc, rồi mới nhập thiền định. Nguyện ấy dần dần tăng trưởng, lớn mạnh lên. Lúc ban đầu dấy từ niệm đối với người thân, với thiện tri thức của mình, rồi dần dần lan rộng đến các chúng sanh khác, xem kẻ oán, người thân bình đẳng, nguyện được thấy họ được an vui.

Như vậy là Từ Tâm tăng trưởng lớn mạnh dần, dẫn đến thành tựu được Từ Vô Lượng Tâm vậy.

Đối với Bi tâm, Hỷ tâm, Xả tâm cũng đều như vậy cả.

Hỏi: Từ, Bi và Hỷ đem lại phước. Còn hành Xả có ích gì?

Đáp: Hành Xả khiến trừ được xan tham, trừ được ưu bi khổ não. Quán hết thấy chúng sanh muốn họ trừ được xan tham, xa lìa hết ưu bi khổ não, gọi là “Quán Xả Tâm”.

Hỏi: *Hỷ và Lạc khác nhau như thế nào?*

Đáp: Lạc thể hiện ở nơi thân, Hỷ thể hiện ở nơi tâm. Lạc tương ưng với 5 thức ngoài. Hỷ tương ưng với ý thức. Lạc dấy sanh nơi 5 trần “Sắc, thanh, hương, vị và xúc”, có Hỷ dấy sanh nơi pháp trần.

Lại nữa, ở cõi Dục, chúng sanh nguyện được Lạc, ở cõi Sắc, chúng sanh nguyện được Hỷ. Ở Sơ Thiên được Lạc, ở Đệ Nhị Thiên hết thấy Lạc đều chuyển thành Hỷ

Lại nữa, thô thì gọi là Lạc, tế thì gọi là Hỷ. Khi tu nhân thì gọi là Lạc, khi được quả thì gọi là Hỷ.

Hỏi: *Vì sao lại chẳng hòa hợp hai tâm Lạc và Hỷ lại làm một mà lại phân ra làm hai?*

Đáp: Người tu hành, khi mới sơ phát tâm, chưa có thâm ái hết thấy chúng sanh, nên tâm chỉ nhiếp Lạc. Khi thâm ái chúng sanh mới có Hỷ, nên Lạc đến trước rồi Hỷ mới đến sau.

Hỏi: *Từ và Bi khác nhau như thế nào?*

Đáp: Bồ tát thương chúng sanh như cha mẹ, như anh chị, như con cháu, như người thân thuộc. Mỗi khi thấy chúng sanh đau khổ, thì lòng thương càng sâu đậm hơn lên.

Từ tâm là lòng thương yêu chúng sanh, muốn cho họ được an vui.

Bi tâm là lòng thương xót chúng sanh, muốn cứu họ thoát khổ đau.

Hỏi: *Nếu đã thâm ái chúng sanh thì vì sao lại tu hạnh Xả?*

Đáp: Người tu hành chẳng bao giờ xả chúng sanh. Đây chẳng phải là xả chúng sanh, mà là xả 3 tâm Từ, Bi và Hỷ.

Hành Từ tâm muốn chúng sanh được an vui. Khi thấy chúng sanh được an vui rồi thì khởi Bi tâm, muốn chúng sanh được lìa khổ. Thấy chúng sanh được lìa khổ rồi, lại khởi Hỷ tâm, muốn họ được Đại Hỷ.

Thế nhưng, người tu hành nếu muốn chúng sanh được thật lạc, thì chẳng nên chấp trước 3 tâm Từ, Bi, Hỷ, mà phải hành Xả Tâm.

Từ 4 Vô Lượng Tâm chỉ mới ức tướng, chưa thật sự đem lại sự an vui lợi lạc cho chúng sanh, nên phải tu 6 pháp Ba-la-mật.

Hỏi: *Bồ tát hành 6 pháp Ba-la-mật cho đến khi thành Phật mà cũng chẳng có thể khiến chúng sanh được vui, lìa khổ, còn 4 Vô Lượng Tâm này chỉ là ức tướng, chưa phải là chân thật pháp. Như vậy tán thán 4 Vô Lượng Tâm có ích lợi gì?*

Đáp: Bồ tát biết rõ rằng: “Cho đến khi thành Phật vẫn chưa độ hết chúng sanh”, thế nhưng Bồ tát vẫn phát nguyện như vậy. Vì sao? Vì tu 4 Vô Lượng Tâm chẳng những tự điều, tự lợi, mà còn muốn hết thảy chúng sanh lìa khổ, được vui. Do nhân duyên phát tâm ấy, mà được nhiều phước đức, như được thọ quả báo làm Chuyển Luân Thánh Vương, như được xuất gia tu hành, khiến có đầy đủ duyên lành để giáo hóa chúng sanh... Đến khi thành Phật, độ được vô lượng chúng sanh vào chốn Niết bàn.

Hỏi: *Một đức Phật cũng đã độ hết chúng sanh rồi. Như vậy cần gì đến nhiều đức Phật nữa?*

Đáp: Nói như vậy là phạm tội “đoạn giống Phật”.

Như trước đây đã nói: “Chúng sanh vô lượng, căn trí khác nhau, có chúng sanh có nhân duyên với vị Phật này, có chúng sanh có nhân duyên với vị Phật khác...”. Bởi vậy nên không thể nói “một đức Phật độ hết chúng sanh”.

Hỏi: *Do si mê nên chấp có chúng sanh, mà đối với Phật thì chúng sanh là bất khả đắc. Như vậy làm gì có chúng sanh để độ?*

Đáp: Nói “Trong 3 đời khắp 10 phương, nếu cầu chúng sanh thì chúng sanh là bất khả đắc” là nói theo Đệ Nhất Nghĩa, theo Thật Tướng pháp.

Ở nơi Thật Tướng pháp thì chẳng có chúng sanh, cũng chẳng có việc độ chúng sanh.

Theo pháp thế gian, thì phải nói có chúng sanh và có việc cứu độ chúng sanh. Ở nơi pháp thế gian, mà cầu Đệ Nhất Nghĩa, thì chẳng sao có được vậy.

Ví như đến thời Kiếp Tận, lửa lớn thiêu rụi hết 3000 thế giới rồi lửa cũng phải tận diệt. Bồ tát thành Phật cũng là như vậy.

Từ khi phát tâm, Bồ tát tinh tấn cầu trí huệ, thâm nhập vào đại pháp, làm đại Phật sự rồi cũng phải nhập Niết bàn. Bồ tát được Nhất Thiết Trí, phóng quang minh chiếu vô lượng thế giới, độ vô lượng chúng sanh trong khắp 10 phương, rồi cũng nhập Niết bàn, lưu lại tám vạn bốn ngàn xá lợi để hóa độ chúng sanh.

Hỏi: Trước nói: “Quang minh chiếu vô lượng thế giới, độ vô lượng chúng sanh”. Sao nay lại nói “Các duyên pháp cũng như việc độ chúng sanh đều có hạn lượng”?

Đáp: Vô lượng có hai nghĩa. Đó là:

- Thật sự là vô lượng, khiến chẳng có thể lường được. Ví như hư không, như Niết bàn, như Phật pháp... là chẳng có thể lường được.

- Có thể lường được nhưng vì phương tiện thô kém, khiến không sao lường được. Ví như núi Tu Di và các biển lớn bao quanh núi Tu Di, chỉ có chư Phật và chư Bồ tát mới có thể lường được, hàng chư Thiên cũng chẳng có thể lường được. Phật độ chúng sanh cũng là như vậy.

Lại nữa, các pháp do duyên hòa hợp sanh, không có tự tánh, nên là vô lượng, là bất khả lường vậy.

Như bài kệ thuyết:

*Việc ta ngồi đạo tràng
Dùng phương tiện trí huệ,
Nói pháp độ chúng sanh,
Cũng là bất khả đắc.
Thật Tướng của các pháp,
Cũng là tướng chúng sanh.*

*Nếu chấp chúng sanh tướng,
Tức ly Đạo Thật Tướng.
Chấp tướng CÓ tướng KHÔNG,
Chẳng phải là hành Đạo.
Pháp vốn chẳng phân biệt,
Phân biệt do tâm chấp,
Tướng pháp vốn tự không,
Tâm chấp thành có tướng.
Do phân biệt, ức tướng,
Nên rơi vào lưới ma.
Không phân biệt ức tướng,
Mới thật là Pháp Ấn.*

Hỏi: Vì sao thọ khổ có tác động mạnh hơn thọ lạc?

Đáp: Trong kinh có chép mẫu chuyện về ông Vi Đà Luân, em của vua A Dục, phạm tội chiếm ngôi vua, được nhà vua cho làm vua 7 ngày.

Nhà vua hỏi em: “Làm vua có sướng không?”

Ông Vi Đà Luân đáp: “Tôi thật chẳng thấy, chẳng nghe, chẳng biết về sự sung sướng được làm vua”.

Nhà vua hỏi: “Vì sao vậy?”.

Ông Vi Đà Luân đáp: “Vi ngày thứ nhất vừa trôi qua, tôi đã nghe tiếng người giám sát hô lớn rằng: Một ngày làm vua đã qua rồi, ông chỉ còn hưởng 6 ngày nữa thôi, rồi sẽ phải chết. Tôi nghe như vậy, nên trong khi hưởng diệu dục lạc mà tôi sanh tâm buồn khổ”.

Mẫu chuyện trên đây cho thấy rằng: “Thọ khổ có sức

manh thắng hơn thọ lạc”. Ví như trong khi khắp toàn thân đang thọ lạc, mà có một chỗ trong thân bị mũi tên đâm, thì các thọ lạc của toàn thân đều tan biến cả.

Hỏi: *Tu Từ Vô Lượng Tâm được những quả báo gì?*

Đáp: Phật dạy: “Từ Tâm Tam Muội được 5 công đức. Đó là:

- Vào lửa không bị thiêu cháy.
- Ăn nhằm chất độc không bị chết vì ngộ độc.
- Không bị nạn đao binh.
- Không chết bất đắc.
- Thường được chư vị Thiên Thần phò hộ.

Vậy nên nói “Từ vô lượng Tâm có vô lượng phước báo”.

Hỏi: *Vì sao nói “Người có từ tâm được sanh Phạm thiên”?*

Đáp: Vì chúng sanh tôn trọng Phạm thiên, vì các Bà-la-môn thường nguyện tu phước để được sanh làm Phạm thiên, nên Phật mới dạy: “Hành Từ được sanh Phạm thiên”.

Phạm thiên là cõi Trời ở trên cõi Sắc. Nơi đây đã đoạn trừ dâm dục. Bởi vậy nên “Ly dục được gọi là Phạm hạnh”.

Hỏi: *Từ Vô Lượng Tâm có 5 công đức, còn Bi, Hỷ, và Xả Vô Lượng Tâm thì sao?*

Đáp: Về Bi Tâm, trong kinh có nói: “Hành 32 hạnh Bi, Bi tâm tăng trưởng chuyển thành Đại Bi tâm. Đại Bi là công đức của chư Phật và của chư Bồ tát, là mẹ của Bát nhã Ba-la-mật. Bồ tát, trước hết phải phát Đại Bi tâm sau mới vào được Bát nhã Ba-la-mật.

Từ và Bi thành tựu các công đức, dẫn đến việc viên thành Đạo quả, bao gồm cả 4 Vô Lượng Tâm.

Hỏi: Công đức của 4 Vô Lượng Tâm như thế nào?

Đáp: Người muốn tu thiện thì khởi Từ tâm, người muốn tu phước thì khởi Bi tâm, tu thiện và tu phước đều thành tựu phước báu hữu lậu. Nếu xả được tâm chấp tu thiện và tu phước thì được tâm vô sở hữu xứ.

Lại nữa, Từ Định khởi hồi hướng về Tam Thiên, Bi Định khởi Hư không Xứ, Hỷ Định khởi Thức Xứ, Xả Định khởi Vô Sở Hữu Xứ.

Lại nữa, Từ Tâm là tâm thương yêu chúng sanh, muốn họ được an vui. Bi Tâm là tâm thương xót chúng sanh, thường quán chúng sanh khổ, và muốn đưa họ ra các khổ, Hỷ Tâm là tâm vui mừng khi thấy chúng sanh được phước lợi, Xả Tâm là tâm xả bỏ hết thảy khổ lạc. Phải dùng Xả Tâm xả bỏ hết thảy khổ lạc mới được chân thật pháp. Các bậc thánh hiền mới có đầy đủ 4 Vô Lượng Tâm, chẳng phải hàng phàm phu mà có được vậy.

Lại nữa, Phật vì thương đệ tử ở đời vị lai, nên nói “4 Vô Lượng Tâm là hữu lậu duyên, nhiếp về cõi Dục. Cõi vô Sắc không duyên cõi Dục, vì đã đoạn các vọng kiến”.

Bởi nhân duyên vậy, nên khi Bồ tát Vô Tận Ý hỏi Phật về các thứ duyên của Từ Tâm. thì Phật dạy: “Từ có 3 thứ duyên. Đó là: duyên chúng sanh, duyên pháp và vô duyên”.

“Chúng sanh duyên” là hữu lậu, “pháp duyên” có thể là hữu lậu, có thể là vô lậu, còn “vô duyên” là vô lậu.

Hỏi: Làm thế nào để diệt được 3 tướng duyên ấy?

Đáp: Cả 3 tướng duyên cũng đều do duyên hòa hợp sanh, đều là hư vọng, đều là tự tánh không, đều chẳng thật có.

Vì chúng sanh điên đảo vọng chấp, nên ở nơi hòa hợp sắc, mà chấp có 1 tướng, có 2 tướng..., mà chẳng biết rằng tất cả các tướng ấy, đều do tâm chúng sanh vọng chấp mà có vậy.

Người tu hành chẳng nên chấp có tướng chúng sanh, có tướng pháp. Vì Thật Tướng của các pháp chỉ là 1, chẳng phải 2, chẳng phải khác (Nhất Tướng), là tướng Không (vô tướng). Người tu hành niệm như vậy, nên xả được các chấp, xả được các sự ràng buộc của tài sản, của gia đình v.v...

IV) 4 Vô Sắc Định

Hỏi: 4 Vô Sắc Định gồm những gì? Ý nghĩa ra sao?

Đáp: 4 Vô Sắc Định còn được gọi là 4 Không Định gồm:

- Hư Không Vô Biên Xứ Định.
- Thức Vô Biên Xứ Định.
- Vô Sở Hữu Xứ Định.
- Phi Hữu Tướng Phi Vô Tướng Xứ Định.

Người tu hành trì giới thanh tịnh, được tâm an ổn vào thiền định. Khi tâm ly dục sanh hỷ lạc là vào được Sơ Thiên. Khi ly được giác quán, được nội tâm thanh tịnh là vào được Nhị Thiên, nếu ly được cả hỷ, cả lạc, thì vào được Tam Thiên. Sau đó, nếu xả niệm thanh tịnh thì vào được Tứ Thiên.

Nếu xả Tứ Thiên, được diệu định, thì tâm sẽ được “vô đối sắc”, nghĩa là thấy sắc mà vẫn biết sắc là giả, là hủy hoại. Bởi vậy nên tâm không còn bị 5 trần: sắc, thanh, hương, vị và xúc ràng buộc, lại rõ biết 5 trần đều là hư vọng, là hủy hoại, nên vượt qua được “hữu đối sắc”.

Tuy thấy có sắc phân biệt, mà quán ly sắc, cho nên được Hư không Vô Biên Xứ và 3 Vô Sắc Xứ khác. Vào các Vô Sắc Xứ Định ấy, Thiền giả vẫn biết đó cũng là hư vọng, như huyền, chỉ là phương tiện mà thôi (như trong phẩm Thiền na Ba-la-mật đã nói rõ).

Trong 4 Vô Sắc Định có 1 định hữu lậu. Đó là Thức Vô Biên Xứ. Còn 3 định kia vừa là hữu lậu, vừa là vô lậu.

Hư không Vô Biên Xứ có thể hoặc hữu lậu, hoặc vô lậu. Thức Vô Biên Xứ và Vô Sở Hữu Xứ cũng là như vậy.

Hư không Vô Biên Xứ là hữu báo, vô ký, còn Vô Lậu Hư không Vô Biên Xứ là vô báo. Thức Vô Biên Xứ và Vô Sở Hữu Xứ cũng là như vậy.

Ở nơi Phi Hữu Tướng Phi Vô Tướng Xứ, thì Thiền Hữu Tướng và Thiền Phi Hữu Tướng là hữu báo, vô ký. Lại cũng có Phi Hữu Tướng Phi Vô Tướng là vô báo.

Lại nữa, có 4 Vô Sắc Định có thể tu, vì là vô cầu, cũng có 4 Vô Sắc Định không thể tu vì là hữu cầu.

Nơi 4 Vô Sắc Định có 1 phần hữu lậu và 3 phần vô lậu.

Khi 4 Vô Sắc Định nhiếp các tâm và tâm sở, là có tương ưng nhân. Khi tâm không tương ưng với các hạnh là không có tương ưng nhân.

Lại có thiện pháp chẳng phải là 4 Vô Sắc, hoặc có 4 Vô Sắc chẳng phải là thiện pháp, hoặc có thiện pháp cũng là 4 Vô Sắc, hoặc có pháp chẳng phải thiện pháp, cũng chẳng phải là 4 Vô Sắc.

Hết thấy các thiện Vô Sắc nhiếp 4 chúng nhưng cũng có 4 Vô Sắc không nhiếp 4 chúng, nghĩa là không trí duyên tận.

4 Vô Sắc không phải là thiện pháp, là 4 Vô Ký Vô Sắc.

Còn các pháp chẳng phải thiện pháp, cũng chẳng phải là 4 Vô Sắc đều toàn là bất thiện pháp.

Lại cũng có 4 Vô Sắc, không nhiếp vô ký và 4 chúng là không trí duyên tận.

Lại có vô ký pháp chẳng phải là 4 Vô Sắc, hoặc có 4 Vô Sắc chẳng phải là vô ký pháp, hoặc có vô ký pháp cũng là 4 Vô Sắc hoặc có pháp chẳng phải vô ký cũng chẳng phải 4 Vô Sắc.

“4 Vô Ký Sắc Chúng” là 4 Vô Sắc không nhiếp 4 vô ký chúng, nghĩa là không trí duyên tận.

4 Vô Sắc chẳng phải là vô ký pháp là 4 thiện Vô Sắc. 4 Vô Sắc cũng là vô ký pháp là Vô Ký Vô Sắc. Còn các pháp chẳng phải là Vô Ký pháp cũng chẳng phải là 4 Vô Sắc đều toàn là bất thiện pháp.

“4 Thiện Sắc Chúng” là 4 Vô Sắc không nhiếp 4 thiện chúng, nghĩa là không trí duyên tận.

Lại có pháp vô lậu chẳng là 4 Vô Sắc, hoặc có là 4 Vô Sắc chẳng phải là vô lậu. 4 Vô Sắc chẳng phải là vô lậu ấy, là 4 Vô Sắc mà không nhiếp 4 vô lậu chúng và vô vi pháp.

Lại có pháp hữu lậu chẳng là 4 Vô Sắc, hoặc có là 4 Vô Sắc chẳng phải là hữu lậu, hoặc có pháp hữu lậu cũng là 4 Vô Sắc, hoặc có pháp chẳng phải hữu lậu cũng chẳng phải là 4 Vô Sắc.

“4 Hữu Lậu Sắc Chúng” là 4 Vô Sắc chẳng phải là hữu lậu, nghĩa là 4 Vô Sắc không nhiếp 4 hữu lậu chúng.

Ở nơi Vô Biên Hư không Xứ, Thiên giả hoặc tu Kiến Đế Đạo hoặc tu Tư Duy Đoạn hoặc tu Bất Đoạn. Tu Kiến Đế Đoạn là tu Tín Hành và Pháp Hành, thấy 4 Đế mà nhận đoạn

Hư không Xứ Định chẳng có tương ưng với các hạnh cầu.

Tu Tư Duy Đoạn là dùng 3 thiện căn tương ưng với Hư không Xứ, mà không khởi tâm ở các hạnh bất thiện khác, không tương ưng với các hạnh vô cầu hữu lậu.

-o0o-

Vô Lậu Hư không Xứ, Thức Vô Biên Xứ và Vô Sở Hữu Xứ cũng là như vậy.

-o0o-

Tu Phi Hữu Tướng Phi Vô Tướng Xứ Xứ cũng tu Kiến Đế Đoạn và Tư Duy Đoạn.

Ở nơi định này, Kiến Đế Đoạn cũng do Tín Hành và Pháp Hành, thấy 4 Đế để nhận đoạn, nghĩa là không khởi tâm tương ưng với các hạnh cầu. Còn Tư Duy Đoạn là dùng 3 thiện căn tương ưng với định mà không khởi tâm tương ưng với các hạnh cầu.

Như vậy ở nơi Phi Hữu Tướng Phi Vô Tướng Xứ Định, hành giả nhiếp tâm không tương ưng với các hạnh cầu, mà chỉ tương ưng với ý thức vô sắc giới, không tương ưng với thọ, hoặc tương ưng với thọ mà không tùy tâm hành, hoặc khi tùy tâm hành mà tương ưng với thọ, là có tương chúng và tương ưng hành chúng. Đây là tùy tâm hành xứ, mà chẳng tương ưng với thọ, hoặc tương ưng với thọ mà chẳng tùy tâm hành, hoặc chẳng tùy tâm hành, cũng chẳng tương

ung với thọ. Vì sao? Vì tâm dư tàng chẳng có tương ung với các hạnh.

-o0o-

Nói Hư không Xứ Định, thì hoặc có chấp thân kiến, hoặc lấy thân kiến làm nhân để tạo ra các nhân khác, hoặc chẳng lấy thân kiến làm nhân.

Nếu không chấp thân kiến thì trừ được các khổ ở quá khứ và ở hiện tại, để tương ung với Hư không Xứ Định, lại cũng trừ được các thân kiến về sanh, trú và diệt.

Vô Cấu Hư không Xứ Định, Thức Xứ Định, Vô Sở Hữu Xứ Định, và Phi Hữu Tướng Phi Vô Tướng Định cũng là như vậy.

-o0o-

Hết thấy 4 Vô Sắc Định đều có nhân duyên mà chẳng do thứ đệ duyên. Hư không Vô Biên Xứ hoặc có thứ đệ cũng thứ đệ duyên, hoặc chẳng thứ đệ cũng chẳng thứ đệ duyên.

Bởi vậy nên, ở trong đời vị lai, chư vị A-la-hán, nếu muốn sanh tâm và tâm sở pháp, thì phải biến các tâm và tâm sở pháp thành Hư không Xứ, vì các nhân quá khứ và hiện tại tối hậu đều đã diệt hết; cũng như chư vị A-la-hán phát Bồ đề tâm tối hậu, muốn sanh các tâm và tâm sở pháp cũng phải ở trong Hư không Xứ, mà khởi tâm bất tương ung với các hạnh cấu.

Phi Hữu Tướng Phi Vô Tướng Xứ hoặc có thứ đệ mà chẳng thứ đệ duyên, hoặc có thứ đệ cũng cùng thứ đệ duyên, hoặc chẳng có thứ đệ, cũng chẳng có thứ đệ duyên.

Bởi vậy trong đời vị lai, chư vị A-la-hán, nếu muốn sanh tâm và tâm sở pháp lại, thì phải ở nơi Phi Hữu Tướng Phi Vô Tướng Xứ và ở nơi Diệt Thọ Tướng Định; còn nếu muốn sanh về cõi Dục, thì phải thứ đệ và thứ đệ duyên, nghĩa là lấy dư tàng của tâm và tâm sở pháp quá khứ và hiện tại. Vì sao? Vì các dư tàng ở đời vị lai không tương ưng với các hạnh cấu mà chỉ ở trong 4 Vô Sắc để nhiếp các tâm và tâm sở mà duyên vậy.

Ở nơi Vô Sắc nếu nhiều tâm không tương ưng với các hành, là phi duyên, nhưng cũng là duyên duyên, để lấy đó làm tăng thượng duyên.

-o0o-

Trên đây, 4 Vô Sắc Định đã được phân biệt rõ theo như trong bộ A Tỳ Đàm.

Hỏi: *Kinh Đại thừa Ma Ha Diễn nói về 4 Vô Sắc Định như thế nào?*

Đáp: Theo kinh Đại thừa Ma Ha Diễn thì 4 Vô Sắc Định đều tương ưng với Thật Tướng pháp và Trí huệ.

Hỏi: *Thế nào gọi là Thật Tướng pháp?*

Đáp: Tự tánh Không, Tự Tướng Không là Thật Tướng pháp.

Hỏi: *Các sắc pháp do duyên hòa hợp mà có, nên là Không. Nhưng vì sao cũng nói “vô sắc” là Không?*

Đáp: Ta có thể dùng mắt để thấy, dùng tai để nghe các sắc pháp. Nhưng các sắc pháp vốn là tự tánh Không.

Sắc do duyên hòa hợp mà có. Nếu đem chia chẻ thì sắc sẽ trở thành Không.

Sắc còn là Không huống nữa là Vô Sắc.

Lại nữa, sắc pháp cũng chẳng có sanh, chẳng có diệt, dẫn đến Không cũng chẳng có, huống nữa là các tâm và các tâm sở pháp.

-o0o-

Như vậy là đã trình bày đầy đủ nghĩa về 4 Vô Sắc Định theo kinh *Đại Thừa Ma Ha Diễn*.

(Hết quyển 20)

HẾT TẬP I